

TRUYỆN
KINH DỊ
VIỆT NAM



TRUYỆN ĐƯỜNG RỪNG

Lan Khai

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Truyện đường rừng

Lan Khai

truyện đường rừng

Lan Khai

Bìa: *NXB Kim Đồng*
Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

truyện đường rừng

LAN KHAI

TÂN DÂN
xuất bản - Hanoi 1940

MỤC LỤC

0. Tác giả Lan Khai	9
1. Người lạ	19
2. Ma thường luồng	33
3. Con thường luồng nhà họ Ma	49
4. Con bò dưới Thủy tề	63
5. Đôi vịt con	83
6. Mũi tên dẹp loạn	99
7. Người hóa hổ	127

8. Tiền mất lục	147
9. Gò thần	177



Nhà văn Lan Khai
(1906 – 1945)

“Là một cây bút nổi tiếng trên văn

đàn cả nước những năm ba mươi đầu thế kỷ XX, các sáng tác của Lan Khai (Lâm Tuyên Khách) đã sớm xuất hiện trên các tờ báo: Loa, Ngọ Báo, Đông Pháp, Đông Phương, Rạng Đông, Tiểu thuyết thứ Bảy, Ích Hữu, Phổ thông bán nguyệt san... Đồng hành với những cuốn tiểu thuyết về đường rừng, về tâm lý – xã hội và lịch sử, tác phẩm lý luận phê bình, các bài ký, các công trình sưu tầm văn học dân gian, những bản dịch, những tác phẩm hội họa, còn xuất hiện hàng loạt những truyện ngắn truyền kỳ và truyện cổ tích thần kỳ của Nhà văn đường rừng với các chủ đề và kiểu dạng khác nhau, đã góp phần vào cuộc cách tân thể loại văn học, để lại ấn tượng sâu đậm trong bạn đọc hơn tám thập niên qua.

Trong bộ sách Nhà văn hiện đại (1942), bên cạnh nhận định: “Lan Khai

là lão tướng trong làng tiểu thuyết đang gắng tìm đường mới”, Vũ Ngọc Phan còn đưa ra nhận xét: “Lan Khai có cây bút tài tình để viết truyện ngắn. Không hiểu sao ông lại chỉ viết có tập Truyện đường rừng? Thật đáng tiếc!” Phải chăng cây bút “tài tình” này muốn dồn hết tâm lực để trở nên vị thế riêng trong nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại? Chỉ riêng trên 50 truyện ngắn cho thấy, đây là phần di sản phong phú của Lan Khai có thể tạo nên bức chân dung một nhà văn. Truyện truyền kỳ tập trung trong tập Truyện đường rừng (1940) đồng thời còn có những truyện truyền kỳ khác như Khảm Khắc, (1936), Người hóa Beo (1941) chưa in thành một tập riêng. Ngoài ra hoạt động sưu tầm của ông đã để lại những câu chuyện Cổ tích thần kỳ như Chử Lầu (1933), Nhả có (1933), Sự tích thầy Mo (1935), Chết Khươi (1940), Mang Lung

(1940) đều được hình thành trong nền văn học dân gian ở xứ sở sơn lâm từ Việt Bắc, Tây Bắc tới Tây Nguyên...

Thế giới nghệ thuật trong Truyện truyền kỳ của Lan Khai rất phong phú, kết cấu linh hoạt đem đến nhiều cảm nhận mới về cuộc sống và nghệ thuật văn chương.

Truyện truyền kỳ (Truyện kỳ ảo) có tên Chuyện lạ đường rừng của Lan Khai ra đời từ đầu những năm 30, sau được tuyển lại trong tập Truyện đường rừng (1940) gồm 9 câu chuyện tiêu biểu: Người Lạ, Ma thuồng luồng, Con thuồng luồng nhà họ Ma, Con bò dưới Thủy tề, Đôi vịt con, Mũi tên đẹp loạn, Người hóa hổ, Tiên mất lực, Gò Thần, đương thời được nhà văn Hoàng Tích Chu (1897-1933) đánh giá cao về quan niệm nghệ thuật mới. Mỗi câu chuyện là một bức

tranh hòa quện giữa yếu tố hiện thực và kỳ ảo về miền núi, hàm lượng hư thực khác nhau nhằm hướng tới nhu cầu giải trí. Đây là một thể tài đã có nguồn gốc trong văn học dân gian và văn học trung đại, văn học phương Tây, nhưng chưa có nhiều thành tựu mới trong văn học hiện đại Việt Nam.

Lan Khai là cây bút đã kế thừa và sáng tạo các yếu tố hoang đường kỳ ảo của văn học dân tộc và văn học nước ngoài, tạo nên cái tên gọi Chuyện lạ đường rừng thuở đó đã thu hút nhiều bạn đọc. Nhà văn đã tạo ra thế giới nghệ thuật mới lạ góp phần làm đổi thay cách tiếp nhận truyền thống. Khi loại truyện truyền kỳ mới xuất hiện trên báo chí, ông đã vấp phải sự phản ứng của một số độc giả trên báo Rạng Đông, cho rằng: Nhà văn “giết người không gớm” và làm “rối

trí” người đọc từ các Chuyện lạ đường rừng. Bằng tầm nhìn sâu rộng của một nhà nghiên cứu, trong cuốn Nhà văn hiện đại, Vũ Ngọc Phan đã nêu ra cách nhìn mới: “Đọc Truyện Đường rừng của Lan Khai, ta không nên nghị luận về hư thực, không nên đứng vào mặt khoa học để bài bác; ta nên đọc với óc thơ mộng, pha chút huyền ảo của cổ nhân như khi đọc Liêu trai của Bồ Tùng Linh vậy!”

Các câu chuyện như Người Lạ, dựa vào tâm lý hoang tưởng về ma quỷ chốn sơn lâm, người viết dẫn người đọc đi xa hơn trong tưởng tượng; Ma Thuồng luồng gợi cảm giác về cuộc sống hỗn mang giữa người và thú thời cổ đại; Người hóa Hồ vẽ ra cảnh hoang sơ thần thoại; Đôi vịt con nói về giai thoại yếm bùa kỳ lạ; Con Thuồng luồng nhà họ Ma kể về lòng tốt của con người khiến loài

vật biết đền ơn trả nghĩa; Con bò dưới Thủy tề cảnh báo về sức mạnh tiềm ẩn của thiên nhiên; Mũi tên đẹp loạn vẽ ra cảnh hoang sơ man rợ trong xứ sở sương mù; Tiền mất lực kể về bi kịch tình yêu nơi rừng thẳm; Gò Thần là câu chuyện tín ngưỡng mang tính ngụ ngôn: Ai coi thường cái thiêng liêng đều thất bại!... Bên cạnh những hình tượng kỳ bí là những bức tranh sinh động về phong tục tập quán miền rừng; những tai họa từ thiên nhiên do con người gây ra, gợi nên các vấn đề thiện, ác, tình yêu, hạnh phúc và phẩm giá con người...;

Vừa dựa vào truyền tích dân gian vừa khéo léo tạo ra những cốt truyện gần gũi dân gian, những bức tranh vui chơi, ca hát, săn bắn, lao động, tình yêu, những trắc trở chia ly... với những điều kỳ bí của núi rừng, những góc khuất của

tâm lý con người, Lan Khai đã dựng lên thế giới hình tượng: có nhân vật người thực, có nhân vật là thú hay nửa người nửa ma, nửa người nửa thú, thể hiện bằng bút pháp liên tưởng và gợi tả, so sánh ví von; sử dụng các yếu tố thời gian, không gian linh hoạt, cùng ngôn ngữ địa phương có tạo hình biểu cảm, gợi nên những hình tượng hư hư thực thực; trong thực có hư, trong hư có thực, để chinh phục người đọc bằng tưởng tượng, tạo nên một “kênh” tiếp nhận mới. Sự hòa trộn giữa tự nhiên với bất ngờ, bình thường với phi thường, khơi gợi trí tưởng tượng và tính hiếu kỳ của độc giả. Đọc *Truyện đường rừng* của Lan Khai cho ta thấy, sau những lời thuật lạnh lùng là một bầu tâm sự chứa chất những nỗi niềm cảm uất khôn nguôi đối với cái ác, cái xấu và nỗi niềm thương cảm vô tận trước cái đẹp và cái thiện bị

dập vùi. Mỗi câu chuyện ít nhiều đều để lại những ấn tượng khó quên trong bạn đọc. Đây là một tập truyện lý thú, sẽ đem đến cho bạn đọc những cảm nhận mới về một phần thành tựu sáng tác của một tài năng lớn đã cống hiến hết mình cho nghệ thuật.”

Người lạ

Một đêm đông.

Ngồi quanh cái khuôn bếp cổ điển của những nhà mạn ngược, cha tôi và tôi lắng nghe ông Hội Cảnh kể câu chuyện lạ đường rừng...

Ở đây, người ta không dùng đèn. Ánh lửa bếp, tuy vàng úa và lung lay, cũng đủ chiếu sáng mấy gian nhà trống rỗng. Bên ngoài, giọt sương gieo lộp độp... gieo cái cảm giác tê tái vào lòng người.

Tôi ngồi xếp bằng tròn, hai tay thu vào bọc; mắt dán lên nhìn người kể chuyện: một ông cụ già ngót bảy mươi tuổi, nom còn quắc thước lắm. Vóc người ông vạm vỡ, chân tay ông to lớn, mặt ông vuông vức chữ điền, nước da ông đỏ thắm, râu tóc ông bạc phơ. Cứ trông cái trán vuông mà không cao, cặp lông mày chổi sể lòa xòa xuống cặp mắt voi sáng quắc của ông, ta đủ thấy ông là người thông minh, bạo dạn và thiết thực. Ông cụ mặc một cái áo cánh rộng tay bằng vải gai to sợi nhuộm chàm là thứ vải dân thượng du tự dệt lấy. Phủ ngoài áo cánh, một cái trấn thủ bằng nhiều tam giang lột da rái cá, một vật quý có tính kỵ phong sương. Cái quần xanh cao ống để hở đôi bắp chân cục mịch, lẫn những đường gân to như chảo. Hai chân ấy đã từng vượt đèo lội suối, xông pha núi rừng nên hình như chẳng biết rét là gì. Ông cụ ngồi

cạnh cha tôi; chân trái quắp vào lòng; chân phải chống bên cạnh sườn; đầu gối đỡ lấy bàn tay phải cầm chiếc điều can đất thó. Thỉnh thoảng, mỗi lần ông đưa cái điều lên miệng kéo mấy hơi thuốc, vẻ mặt ông càng thờ thẩn, hai mắt ông càng xa vắng. Ông ngồi lẳng lẳng hàng giờ, nói thủng thẳng và thường lâu lâu mới lại sực nhớ tới chuyện mình đang kể...

Dưới ánh lửa đỏ, tôi nhìn ông già ấy, nhìn cái bóng ông chập chờn trên vách, tôi bàng khuâng như nhìn thấy chính cái huyền bí của sơn lâm.

Ông Hội Cảnh dần xuống từng tiếng, như để in sâu vào trí não người nghe:

– Tôi, bây giờ, già rồi... Bảy mươi tuổi... còn gì mà không già!... Câu chuyện, tôi sắp kể ông nghe đây, xảy ra đã hơn

hai chục năm... vậy mà tôi vẫn nhớ rõ... Chuyện lạ lắm! Chính tôi được thấy chứ không phải cố ý bịa đặt để dối ông đâu... Tôi gần kể miệng lỗ rồi, còn nói dối làm gì!...

Câu mở đầu dài dòng ấy càng khiến cha tôi và tôi thêm tò mò...

– Người ta, nếu mới nghe một chuyện gì hơi khác thường, đã vội cho là huyền hoặc, chẳng cũng hẹp nghĩ lắm ru? Ông bảo ở đời cái gì có thể tin chắc được? Cái gì thật, cái gì hư? Ngay như tôi với ông đang ngồi trò chuyện cùng nhau đây, ai bảo là không có thật? Nhưng, nếu bây giờ, một trong hai ta nhắm mắt bịt tai lại, thử hỏi cái hình ảnh và tiếng nói của bạn mình kia còn hay mất, có hay không? Câu chuyện này, khi tôi đã kể ông nghe rồi, thật hư đều do quyền ông phán đoán. Tôi không muốn cùng ông

tranh biện làm gì. Có một điều chắc là, trong đời tôi, chính câu chuyện sắp kể đây đã làm tôi phải rùng mình. Cái rùng mình quái lạ ấy, giờ tôi muốn chia với ông một phần. Ý tôi là thế...

Ông già kéo mấy hơi thuốc lá, thở khói mù mịt như bao quanh mình thêm một cái màn bí mật nữa...

Bên ngoài, sương vẫn gieo nặng trên mặt đất, gió vẫn rền rĩ đầu cành cây. Tôi bỗng thấy sờn thịt, tâm hồn giá ngắt lại... Thì ra, tự ngoài đêm tối, mấy tiếng cú kêu thảm đạm đã làm tôi hãi hùng.

– Phải, – Ông Hội Cảnh vừa gõ tàn thuốc vào thành bếp vừa nói – lúc ấy vào khoảng trưa một ngày mùa hè. Tôi một mình ngồi trên chòi canh giữa nương lúa với một khẩu súng hỏa mai, một con dao lưng và một quyển truyện Phương

Hoa bằng chữ Nôm. Đến đây, tôi cần nói để ông rõ rằng: việc canh lúa không phải do vợ chồng thằng cháu cả ép nài tôi. Chính tôi tự nhận lấy, nghĩ rằng nhà neo, vợ chồng cháu vừa bận con mọn vừa lảm công kia việc nọ, nếu mình cứ cậy là ông bố già, ăn no ngồi đấy, sao cho đành lòng! Thế là cơm lam¹, nước ống, tôi một mình lên nương. Dạo nào yên hàn còn khá; hễ hơi thấy dấu nai lợn lảng vảng quanh nương thì thường phải canh nhặt dạ. Nếu không, chỉ một đêm bị giày xéo, cả cánh nương lúa tốt đẹp kia sẽ tan tành mà cơ túng thiếu trong nhà sẽ không sao tránh khỏi. Việc bắt dặc dĩ chứ ai không biết rằng tự vui mình giữa nơi tịch mịch như thế là rất buồn. Nay, nhất khoảng

¹ Cơm lam là loại cơm được làm từ gạo (thường là gạo nếp) cùng một số nguyên liệu khác, cho vào ống tre, giang, nứa v.v. và nướng chín trên lửa. Cơm đặc trưng của các dân tộc vùng Tây Bắc Việt Nam và các vùng Đông Bắc Việt Nam, Tây Nguyên và một số dân tộc tại Lào, Thái Lan, Campuchia, Myanmar và Trung Quốc

đang trưa, ngồi trên chòi nhìn cảnh vật ngủ li bì dưới ánh nắng và nghe suốt đờ mơ hồ điểm thêm một đôi tiếng cục cu của con chim gáy ẩn hình nào đó, tôi tưởng cái buồn không lấy gì ví được...

Vậy, buổi trưa mùa hè ấy, tôi, cũng như mọi ngày, một mình thơ thẩn trên chòi canh. Tôi nhìn trời mây, rừng núi mãi cũng buồn và cũng mỏi, tôi bèn ngả lưng mở quyển Phương Hoa ra đọc. Thoạt đầu, tự mình nghe tiếng mình ngâm nga, cái tiếng người lẻ loi phản lại cái tịch mịch bao trùm, lòng tôi không khỏi rờn rợn. Sau, tôi cứ đánh bạo ngâm tràn. Đang lúc đắc chí, tôi tự nhiên thấy sau lưng thoáng có hơi lạnh, rồi chân lông trong mình sồn lên. Tôi bị một sợ hãi vô lý nó ám ảnh đến nỗi phải quay đầu lại thì... người tôi như có cái máy bật mạnh dậy...

Cái điều con nạp đầy thuốc tự lúc nào đã thấy kể lên miệng ông Hội Cảnh. Ông lấy hai ngón tay nhúp vôi hòn than đỏ để vào điều, hít mạnh mấy hơi, nhổ nước bọt vào bếp, rồi lặng yên... Trong lúc ấy, tôi nhận rõ trên mặt ông ta một cái gì như dấu vết một kinh hoàng...

Tôi ngồi nhòm dậy... Bên mình tôi, một cô gái lạ mặt đang chăm chú nhìn tôi, miệng cười chúm chím... Sự kinh ngạc của tôi bấy giờ thực không sao tả được. Cái chòi tôi nằm, bốn cột làm bằng bốn cây ba soi mảnh dẻ, hơi bị gió lay cũng rung rinh như võng. Người con gái ấy lên lúc nào mà tôi không biết? Vả chăng, cô ta là ai, lên chòi tôi có chuyện gì? Cớ sao lạ lùng thế? Cô ta không phải người trong động tôi, cũng không phải người các động chung quanh. Cô ta đẹp một cách dị thường: mặt dài thon thon;

da trắng mòng mọng lại có những vân đỏ và phủ một lượt tơ như vỏ đào non; lông mày rậm, vàng như râu ngô lượn tròn trên cặp mắt sáng quắc. Lạ một điều là lòng đen mắt cô ta đỏ và trong suốt như mắt thỏ trắng. Cô ta nhìn một cách lăm lét đáng nghi; miệng cười như đốt lòng người. Nhưng... đến hai hàm răng thì ghê quá!... Răng người đầu mà nhọn hoắt như răng mèo! Y phục không ra Kinh không ra Mán, chẳng phải Khách chẳng phải Nùng. Toàn thân có một mùi thơm như hoắc hương. Thật, trong đời tôi, có lần ấy mắt nom thấy một cô thiếu nữ quái gở như thế!...

Cô ta, thấy tôi có dáng hốt hoảng, chỉ cười. Tôi sợ quá, tóc gáy rờn rợn, mồ hôi giá ngắt.

Cô ta cất tiếng nói, líu ríu như tiếng chim, khó hiểu lắm :

– Anh kể chuyện tốt giọng nhỉ!... Kể đi...

Tôi càu nhàu đáp :

– Mọi miệng rồi!

Cô ta lờ như không nghe hiểu câu trả lời ấy, và cứ mon men dịch lại gần tôi... Ông ạ, tôi đi rừng gặp beo là thường. Mỗi khi con beo xông đến, tôi không sợ bằng thấy cô ta lê lại gần mình. Tôi vội giựt lùi về phía sau. Hai người cứ thế xoay quanh khắp mặt chòi. Sau cùng, cô ta, xem chừng nản, quắc mắt nhìn tôi và sùng sộ hỏi :

– Anh ở đây một mình, có sợ không?

Giá ai bảo tôi ‘mày sắp chết’, tôi không sợ bằng nghe câu hỏi ấy. Tôi tự nhiên vơ lấy khẩu súng miệng quát thốt thanh :

– Sợ gì?... Tôi chẳng sợ gì cả!... Cái gì dám lại gần tôi là tôi bắn!...

Cô ta ra vẻ nghĩ ngợi sau điệu giọng nói :

– Anh này cục tính quá!... Nhưng thôi! Rừng xanh nếu anh còn lai vãng thì một ngày kia ta sẽ còn gặp nhau.

Cô ta đứng dậy xuống chòi, đi lững lờ ở không trung, như người đi lên một cái thang vô hình. Còn tôi, tôi bắt đầu run bắn người lên. Hai hàm răng tôi đánh vào nhau chan chát. Những giọt mồ hôi trán lạnh như băng... Ma!... Đích ma, ông ạ!... Nếu chẳng phải yêu ma thì là cái gì?...

Tôi bấm tính gan góc, nên tuy sợ mà vẫn bạo. Tôi chờ con yêu ra tới giữa nương lúa, bèn tì súng lên vai, nhắm rõ

đích xác rồi bấm cò... “Đoàng”... Một làn khói trắng bùng ra rồi thông thả tan đi...

Quanh mình tôi, cái lặng lẽ lại như trước, nặng nề hơn trước...

Việc xảy ra như thế, có thể gọi là một giấc mê hoảng... Gọi là gì cũng được. Nhưng tôi thì tôi nói quyết cùng ông rằng lúc ấy tôi mở mắt và vẫn tỉnh táo như bây giờ...»

Ông Hội Cảnh nhắm mắt ngồi im.

Cái tịch mịch đêm đông, tôi thấy như trở nên một linh hồn, có cảm giác và có thể hoạt động được. Tôi rùng mình. Trí tuệ của tôi đắm sâu trong cái huyền bí hãi hùng.

Mãi lâu lâu, khi con chó vàng, nằm

ngoài thích, bỗng chẩu mõm lên không cần rú một thôi dài, ông Hội Cảnh mở bừng hai mắt, vợ vẫn nhìn quanh rồi mới kết luận giống một:

– Về sau, tôi dặn con cháu có đi rừng chớ giắt lá hoắc hương trong mình, vì tôi vẫn nhớ cái mùi thơm ấy. Chưa hẳn là một điều hữu lý, song gọi là một cách đề phòng.

Ma thường luân

Ông Hội Cảnh lại kể chuyện ma thường luân:

– Hồi ấy, trên cái gò chơi vơi giữa hồ Ba Bể còn có một xóm nhỏ lác đác độ mười nhà. Họ ở cách nhau hàng ba bốn trăm thước. Lắm khi, vì khuất rừng cây, nhà nọ không trông thấy nhà kia. Mỗi gia đình chỉ bằng ở tiếng chó sủa và tiếng loóng gạo mà còn có được cái cảm tưởng an ủi rằng vẫn gần nhau. Nhà nào cũng ruộng nương kề ngay chung quanh,

vừa tiện hôm sớm đi về, vừa tiện giữ gìn màu vật khỏi cái hại hươu nai. Ông lạ gì, đường Trên người thưa đất rộng, mặc sức vẫy vùng.

Về phía Bắc cái gò đất ấy, có một túp nhà tranh tồi tàn. Mái nhà vẫn kín gió mưa, nhưng lá lợp lâu ngày nhiều chỗ đã úi nát, gần thành một thứ đất màu. Những hột quả, chim tha về ăn để lại đấy, đã mọc thành những mầm cây nhỏ. Bốn bề vách nửa chống chếnh, lau lách bên ngoài mọc đâm cả vào trong nhà. Những trận gió lạnh đêm đông thường khi thốc mách vào tận buồng nằm.

Nhà có ba gian thì một gian làm buồng ngủ, gian đầu đằng kia kê bàn thờ và giường tiếp khách. Tôi xin nói rõ ngay để ông biết rằng chủ nhà làm nghề thầy cúng, tiếng chúng tôi gọi là ‘Sa thúng’. Và bàn thờ chẳng qua là tấm phen nửa đặt

lên bốn gốc tre chôn một đầu liền xuống đất. Trên ‘bàn’, mấy cái bình hương tre tro tàn bề bộn, dăm cái chén đất, cái úp cái ngửa, một cái bát đựng nước cúng và một cái đĩa bày trầu, cau, hoa. Vài thẻ hương, giấy bao đã phai màu, và mấy quyển sách cúng viết bằng thứ chữ riêng, người thường không thể đọc được.

Trước ‘bàn thờ’, một cái giường tre giải manh chiếu cũ bày ngổn ngang mấy khúc gỗ gổ đầu, một cái khay chén, một ấm chè đựng trong cái giỏ mây sơn màu gạch cua, một cái điều cày dựa lên cái giá làm bằng một đoạn cành cây không khoèo. Gian giữa tức là bếp, là cái lò sưởi chung cho cả nhà về mùa đông. Vài cái đầu rau bằng đất thó, trên để chảo cám lợn luôn luôn đầy những món cùng chuối nấu nhừ, thành một thứ cháo xám đen, một cái ấm đất và mấy cái nồi đất

con. Ngay chỗ ngọn lửa bếp lên, một cái gác tre lủng lẳng chứa mấy cặp thịt nai sấy, vài gói thuốc mán, dăm quả bầu già, dưa già làm giống, và một túm chân gà khô.

Cái khung cảnh ấy tiêu tụy, lạnh lẽo và lấm láp những tàn hương bò hóng nhờ được những tiếng cười đầm thắm, những câu chuyện ái ân, những vẻ ngây thơ hóm hỉnh của đôi vợ chồng và đứa con nhỏ nọ, lấm khi thành ra linh động và tươi sáng.

Cả hai vợ chồng đều xấp xỉ ba chục tuổi.

Chồng, hơi thấp nhưng cả ngang; chân tay gân guốc, đi đứng mạnh dạn. Đầu anh ta vuông, tóc rẽ tre, cổ to như cổ trâu, nét mặt tròn và đều đặn, nước da hung hung. Nếu chẳng có cái miệng cười

thực thà thường phô hai hàm răng trắng nhớn, vẻ mặt anh chàng có lẽ dữ tợn vì cái trán gồ, cái mũi tẹt tẹt, cặp lông mày chổi sể và đôi mắt ốc nhồi sáng quắc.

Vợ, trái lại, nom mảnh dẻ, chân tay nhỏ nhắn, dáng điệu mềm mại. Trên khuôn mặt bầu bầu, nước da trắng mịn, cặp mắt bồ câu lóng lánh như nước hồ khi lặng gió. Cái mũi tuy nhòm mồm nhưng không giảm mất vẻ đẹp của nụ cười ý nhị thường nở trên cặp môi tươi.

Ngoài những lúc đi cúng, đi bói xa, chồng chỉ loanh quanh ở nhà bảo ban vợ làm ăn. Nhờ phong tục tốt, hàng xóm thường giúp đỡ thêm vào, vợ chồng cũng trù được một nương lúa to và cấy được hai mẫu ruộng nếp mây. Thóc gạo mỗi năm ngần ấy đủ cho ba miệng ăn và đổi chác dầu muối. Hai vợ chồng xử với nhau hòa hợp. Lại từ khi được chút

con thơ, cái tình ân ái càng nồng nàn. Đứa bé sinh ra, thường hay quặt quẹo, thân thể gầy còm, chân tay ngằng nghiu, nước da bung bung, nổi cơ đồ nhất có chẳng là cái bụng trái mít điểm cái rốn lồi. Tuy vậy, con vua vua dấu, con chúa chúa yêu, cái đầu cá trê lơ phơ mấy sợi tóc vấy ‘cứt trâu’, cái mặt ngơ ngác, cặp mắt lúc nào cũng như lòe lửa sốt và cái miệng cười mếu máo kia vẫn là cái vui sướng, cái thương yêu, cái hy vọng của hai cuộc đời tối tăm góp lại dưới mái lều tranh. Cái nghèo của vợ chồng bác thầy cúng, người ta có thể ví là cái khung mộc mạc, lồng bức tranh gia đình nên thơ...

Một ngày tháng Sáu, vào khoảng mặt trời gần lặn. Trong nhà, người vợ đang ngồi cạnh bếp thổi cơm. Đứa con thì bò lê dưới đất, đùa với nái lợn lang chộp choạp ăn ít cám đựng trong cái lon tre,

mặt ngoài phất một lượt sơn đen. Người đàn bà hí húi làm cơm, chốc chốc nhoẻn miệng nhìn con. Ngay lúc ấy, chồng ở trên nường về. Anh ta vừa toan vào nhà, sau đứng sững lại ở ngưỡng cửa, ngắm cái cảnh êm đềm trước mắt. Vợ và con vẫn vô tình. Thốt nhiên, anh nháy xỏ vào và bế phắt đứa con lên tay. Vợ, giật mình quay lại, cười pha chút sợ hãi :

– A lổi!... Làm người ta giật nẩy mình... hôm nay về muộn nỏ?

Anh chồng cười hê hê, xốc nách con giơ lên giơ xuống. Thằng bé, hoặc có lòng buồn hoặc thích chí, cũng cười sằng sặc.

– Pú lý mì cần mà doạ pi né (Ông Lý có người về gọi anh).

– Doạ lâu việc lằng nẩy? (Gọi ta việc gì thế?)

– Pú lý chào pi quá pại mo hỏ me lý te pân khảy (Ông Lý bảo anh sang cúng cho bà Lý ồm).

– Cà ling ò? Lầu quá pại ngòi đu (Thật à? Ta sang xem nào).

Chồng nói đoạn, trao con cho vợ rồi vào buồng quần khăn thay áo và lại bàn thờ lấy sách cúng. Lúc anh ta sắp ra cửa, trời bỗng đổ cơn mưa. Anh ta càu nhàu :

– Bôn đin ọ! (Trời đất ạ!). Phên tăng vắn nhằng mi đo! (Mưa cả ngày chưa đủ sao!)

– Bôn mí phên hết lừ khẩu pân? (Trời không mưa, làm sao lúa tốt?)

Anh chồng lườm yêu vợ rồi chụp nón ra ngoài. Trước khi khép cửa anh còn ngoái dặn vợ :

– Kin cón hỏ lục pây nòn ná (Ăn xong cho con đi ngủ nhé) vắn chực lầu chẳng mưa (mai ta mới về).

– Đầy giá (Được rồi).

*

Bác thầy cúng sang đến nhà ông Lý thì áo quần đã ướt hầu hết. Bác ta phải ngồi vào cạnh bếp hong một lúc lâu. Bác ta bói xem vợ chủ nhà phải ma gì làm, đoạn sai sắp lễ vật để cúng. Bác đọc xong quyển sách cúng thì đêm đã khuya. Chủ nhân hối dọn rượu mời ông thầy. Bác ta nhân lúc ấy chạy ra ngoài có chút việc...

Mưa đã ngớt. Trời tối đen như mực. Tiếng sóng hồ rào rạt trong khoảng mịt mù gợi cho tâm hồn những cảm giác đìu hiu man mác. Vụt cái bác thầy bắt

rùng mình... Tụ xa xa về phía nhà bác ở, vắng có tiếng trẻ khóc đưa lại. Bác lắng nghe. Tiếng khóc the thé như những nhát dao sắc rạch mạnh vào cái lặng lẽ đêm khuya... Tấm lòng cha tựa hồ đoán biết có sự phi thường. Bác thấy cúng hốt hoảng chạy vào. Chủ nhân hỏi :

– Cái gì thế?

– Lâu mí chắc!... Trẻ con ở nhà sao khóc quá! Tôi về xem thế nào!

– Ủ, ông thầy về xem. Tôi cũng sang ngay.

*

Trên con đường lầy lội, hai bên cỏ mọc trùm ra lối đi, bác thầy cúng, tay giơ cao ngọn đuốc, tất tả chạy về. Những

giọt mưa đọng trên ngọn cỏ, bị động, trút xuống rào rào như đuổi theo người.

Tiếng trẻ khóc mỗi lúc một gần, một rõ thì sự lo của người cha càng tăng gấp lên.

Bác thầy cúng thoát bước lên thêm thấy cánh cửa mở toang lại càng tin chắc có sự gì ghê gớm. Cái tiếng the thé tự trong buồng đưa ra lúc ấy đã không còn là tiếng trẻ con khóc nữa. Nó chỉ là tiếng kêu của con vật gần hấp hối. Ném bỏ đuốc xuống sân, bác thầy cúng đâm xỏ vào đến cửa buồng bỗng đứng sững lại, suýt lộn mửa vì cái mùi tanh sặc mũi...

Trong buồng, dưới ánh đèn lò mờ, hiện ra một cảnh quái lạ...»

Ông Hội Cảnh, theo thói quen, ngừng lại một lúc lâu và ung dung làm mấy hơi thuốc lá.

Suốt mình thấy lạnh lẽo, tôi ngo ngác nhìn quanh... Thần trí tôi lúc ấy, đối với hoàn cảnh, hết như tia sáng mặt trời soi xuống làn nước đục.

Trên giường, vợ bác thầy cũng nằm đờ ra như một cái xác: váy áo rách mướp; thân thể trần truồng. Đứa bé thì lăn lóc bên mình mẹ, hai mắt trợn ngược, chân tay chơi vơi, tiếng kêu đui dui dần. Khắp giường, nhót nheo ướn át, mùi tanh nồng nực.

Người đàn ông khốn nạn giương mắt nhìn cái thảm trạng mà thực tình chẳng hiểu gì cả.

Mãi sau, tiếng nước rỏ lách tách gần đầu giường làm cho bác ta chú ý và đưa mắt tìm tòi. Thốt nhiên bác thấy cũng choáng người... Cái gì kia?... Ủ, cái gì mà người chẳng ra người, thú chẳng ra thú, mình

trần như nhộng, tóc tai không có, da dẻ nhợt nhạt như kẻ chết trôi, nhót dề dề rỏ xuống, chân tay ngẩn ngui chẳng tày gang. Nó ngồi vắt vẻo trên xà nhà mắt nhìn sồn sác như muốn tìm đường trốn.

Người đàn ông sợ lắm, nhưng mà thương vợ xót con, nên bác ta quát rằng :

– Mày là yêu quái ở đâu dám vào hại vợ con tao?

Cái quái nghe hỏi chỉ nhe bộ rằng nhon hoắt cười nhăn nhở. Bác thầy cũng lùi ra ngoài, vớ lấy cái chày loóng gạo đứng chắn ngang cửa buồng, đoạn cầm chiếc tù và rúc lên một hồi dài...

Một lát sau, hàng xóm kẻ dao người gậy kéo đến rất đông.

– Anh em... có ma... vào đây xem nè!...

Mọi người kéo vào trong buồng. Ai nấy đều kinh dị vì cái mùi tanh quái gở. Chủ nhà vặn to đèn, giơ tay trở vợ trở con rồi lại trở lên xà nhà. Tuy đông mà mọi người cũng đều sờn tóc gáy. Sự xảy ra không thấy bao giờ.

– Đây, chính cái quái này, đã nhân lúc tôi vắng nhà, vào cưỡng hiếp vợ tôi. Xin anh em giết chết nó đi...

Thoạt tiên, họ còn ngần ngại. Nhưng sau, thấy người đàn ông bất hạnh nọ hăm hở giơ chày đánh quái vật, thì họ cũng ủa nhau kẻ câu liêm, kẻ dựa phát móc tuột con yêu xuống và đánh chém tới bời...

Cha tôi nóng ruột hỏi :

– Sau ra làm sao?

– ... Chỉ chớp mắt nó ườn ra thành một con thuồng luồng cực lớn, nằm chặt

cả gian buồng. Cái xác nó, người ta lôi ra vùi ở cạnh bờ nước. Và, nếu cái gò đất ấy về sau không bị sụt xuống đáy hồ, năm mả thuồng luồng để đến nay vẫn còn. Việc này xảy ra là vì người dân trong xóm đã cả gan giết thịt một con bò dưới thủy tế lạc lên... vua Thủy giận, làm sụt gò để phạt kẻ táo bạo...

Tôi hỏi ông già :

– Thế còn vợ con bác thầy cúng thì sao, cụ?

Ông Hội Cảnh nhìn tôi. Ông lẳng lẳng hút đến tàn điếu thuốc mới thủng thẳng đáp :

– Chết cả... Người chồng thì điên rồ lên một dạo, sau chẳng rõ là đi đâu...

Con thường lương nhà họ Ma

Xà xưa, về dòng họ Ma, có một người đàn bà rất nghèo. Cách sinh nhai duy nhất của người ấy là ngày ngày xách giỏ ra ngoài đánh cá.

Một buổi sớm mùa thu kia, dưới vòm trời trong vắt, núi xa mờ màng trong bức màn sương mỏng, cây rừng im lặng như nghĩ đến nỗi vàng úa nay mai. Những đám lau lách bạc đầu, ngắt ngưỡng trước

làn gió nhẹ, như các ông già đã gác bỏ sự đời. Chim ngàn thú nội, ngần ngơ vì cái lặng lẽ chung quanh, cũng ngậm hơi kín tiếng. Còn hoạt động có chăng một dòng ngòi róc rách chảy xói vào những hòn đá tro tro, hình ảnh thời gian cố gắng mài mòn hết thấy sự vật trên đời.

Trời còn sớm lắm. Những trận gió mai còn ẩm sương đêm. Và, dưới cỏ, tiếng trùng chưa nín bật. Tuy vậy, người đàn bà kia đã manh áo che thân, xách giỏ ra ngòi kiếm cá. Chị ta lội xuống ngòi, hai tay vớt nước lên rửa mặt. Xong đâu đấy, chị mới dám đưa cặp mắt ngơ ngẩn nhìn quanh. Nước ngòi mát lạnh không xóa hết những vệt nhọc nhằn, chán nản đã in thành những vết dấn sâu trên cái dung nhan những hom hèm vì đói. Chị ta nhìn thiên nhiên mà thở dài. Rồi, nổi lòng nao nao, chị chàng khẽ cất tiếng hát.

Cái giọng hát mới buồn làm sao!

Chị chàng bắt đầu làm việc. Lưng cúi rạp, tay cầm cái xẻ con, chân bì bõm dưới làn nước lạnh, chị ta cốt kiếm lấy ít mối, cái mối nó giữ cho chị chút hơi tàn để mà đau khổ. Lắm lúc nhác trông bóng mình chấp nổi dưới gương nước lung lay, chị ta, không hiểu ngẫm nghĩ sao, sục sùi khóc.

Chị ta bì bõm mãi, hai cánh đã mỏi rã, mười ngón tay đã dẫn đeo, mà cái giỏ tre đeo sau lưng vẫn rỗng tuếch. Có một lần lùa xẻ vào trong hang, chị ta thấy nặng nặng mừng lắm... Chị vội nhấc xẻ lên thì... chỉ thấy một quả trứng to hơn trứng ngỗng, sắc vỏ vân vân, nằm gọn trong lòng lưới. Quả trứng đẹp lắm, nhưng ích gì! Chị dần tay ném tồm nó xuống ngòi. Quanh quẩn thế nào lần sau, rồi lần sau nữa, cái trứng cọt người lại cứ

lăn tròn vào đáy xẻo. Chị chột nghĩ:

“Hắn là trứng thuồng luồng. Mà ta vớt được nó luôn ba bận, chắc không phải do sự tình cờ. Âu là ta hãy đem về thử ấp xem sao”.

Chị bỏ quả trứng vào trong giỏ. Lại thay! Từ lúc ấy, chị vớt được rất nhiều tôm cá.

Người đàn bà đem quả trứng về nhà, bỏ nó vào một cái chĩnh, vắn xa xa bên cạnh bếp. Cách ít lâu, quả trứng nở ra một con thuồng luồng nhỏ, hệt như một con lươn, sắc da đen nhấy. Chị ta đặt tên nó là con “Cuồng” và ngày hai bữa thường bót tôm cá thả vào chĩnh cho Cuồng ăn. Cuồng lớn như thổi; chẳng bao lâu nó đã chật cái chĩnh, chị chàng đành phải đem thả nó xuống ngòi. Cái ngòi ấy hiện nay vẫn giữ tên là ngòi Cuồng vậy.

Những việc ta vô tình làm, thường sau có những kết quả không ngờ.

Người đàn bà nghèo khổ kia cũng là tò mò đem trứng thuồng luồng về ấp và khi trứng nở thì nuôi, sau lớn quá không đựng vào đâu được phải thả xuống ngòi, đem con vật lạ loài trả về chốn cũ. Chị ta có ngờ đâu việc mình làm, đối với vật vô tri, lại thành ra ơn nặng tình sâu! Và, cũng vì vậy nên hôm sau, khi xách giỏ ra bờ ngòi, chị chàng rất ngạc nhiên thấy đã sẵn một món tôm cá rất tốt để chờ mình.

Rồi cứ thế mãi mãi.

Chị, biết Cuồng trả ơn mình, cảm động lắm! Cặp mắt xưa nay có khóc chỉ khóc vì đau khổ, lần ấy bắt đầu tuôn ra hai dòng lệ mới, nó êm đềm chẳng khác

giọt lệ người mẹ hiền trước sự cư xử của đứa con hiếu thảo.

Cuộc đời chị đánh cá thế là xoay sang một tình trạng mới. Mà trên cảnh thâm u tĩnh mịch, cỏ cây chim thú cũng đỡ bận lòng vì những tiếng oán than...

Nhưng tiếc thay! Cái may mắn, cái hạnh phúc của chị chàng đánh cá nọ chẳng bao lâu đã tan mất, cũng như cái bóng xà phòng...

Một đêm, chị ta ngồi quay sợi khuya bên cạnh bếp. Ánh lửa tàn như cổ nút cái vể tiêu tụy chung quanh khỏi đắm chìm trong bóng tối. Nó muốn cho chị chàng luôn luôn thấy rõ cái mặt thật của đời mình. Chị ta ít lâu nay quả nhiên đã vì chút an nhàn mới có mà quên hẳn nỗi cực khổ chưa qua. Chị vui sướng lắm, yên trí như cái hạnh phúc của mình sẽ

cứ kéo dài cho đến khi mình nhắm mắt. Rồi cái lạnh lẽo đêm trường lọt qua kẽ vách vào nhà, rồi cả cái sâu cô tịch mọi khi, chị chàng không cảm thấy chút nào nữa. Tiếng guồng quay nhè nhẹ, cùng với tiếng củi tươi nổ lép bép nghiễm nhiên thành những tiếng vui tai. Chị làm việc một cách hăm hở, nhanh nhẩu, không uể oải, chán nản như xưa, đến nỗi giấc ngủ lén đến lúc nào, chị không hay.

Trên mảnh vỏ sui đập tới làm nệm, chị chàng đánh cá thêm thiếp ngủ... Ngọn lửa bếp vẫn lom nhom cháy. Cảnh tịch liêu như dần nặng trên giấc cô miên. Tuy vậy, mỗi lần trở mình, chị chàng vụt mạnh cánh tay trên nệm vỏ cây thì, trên cặp môi chưa mất hẳn vẻ chua cay, lại thoáng một nụ cười. Và...

Lạ quá! Chị thấy một vật nửa người nửa rắn tự ngoài vào, vừa đi vừa khóc

sướt mượt. Chị lấy làm ngờ sợ. Nhà chị xưa nay khách khứa rất hiếm. Nhất là người khách kỳ khôi nọ thì thực chưa từng thấy đến bao giờ. Chị vừa toan hỏi, người lạ đã tiến lại gần và nói qua tiếng thồn thức:

– Mẹ ơi, mẹ cứu Cuống với! Ngoài ngòi bây giờ có một con thuồng luồng trắng ở Đài thị mới về, nó định chiếm chỗ của con. Giờ Ngọ ngày mai, con với nó đánh nhau to. Được, chẳng nói làm gì; nếu thua, con sẽ một là bị chết, hai là bị đuổi đi nơi khác, bấy giờ thì mẹ con sẽ mãi kiếp xa nhau... Vậy mai mẹ giúp con một tay, mẹ đem dao ra bờ ngòi, chờ lúc hai bên đánh nhau, hễ thấy khúc trắng nổi lên thì mẹ chém. Mẹ nhớ nhé...

Chị chàng giật mình tỉnh giấc. Chị ngồi choàng dậy, bản khoăn hồi lâu... Ngoài trời đêm tối, tiếng hoẵng đầu kêu

dáo dác. Chị chàng lắng tai mơ hồ như nghe thấy chính cái tiếng lo sợ của lòng mình vọng vào thẳm rừng sâu...

*

Trưa hôm sau, chị đánh cá vác con dao mới mài sáng nhoáng thủng thỉnh ra ngòi. Chị theo lời thần mộng mà ra đấy, chứ riêng vẫn lấy làm ngờ.

Trời nắng to, cái nắng lẻ loi của những ngày thu êm dịu. Cái nắng vớt ấy, nó thường nhóm lên trong lòng người một mối băng khuâng...

Nền trời xanh biếc gác lên những dãy núi xa. Rừng cây chạy tun hút lên tầng không, vươn những cánh tay gân guốc in bóng xuống mặt nước ngòi phẳng lặng. Những tiếng giun tiếng dế, những tiếng

ve cuối mùa hợp thành một thứ vang ngân của tịch tịch. Chị chàng ngẩn ngơ nhìn: quanh mình chị chỉ có ánh sáng và bóng mát. Trước cái vẻ nghiêm tĩnh ấy, chị không thể tưởng tượng sẽ có xảy ra một tấn náo kịch phi thường, nó là cơ còn mất của cái phúc an nhàn mà chị vừa được biết. Cả cái dòng ngòi rục rĩ đang khẽ tung những mảnh vàng vụn nát lên sườn gành đá mốc, chị thấy nó cũng hững hờ với nỗi bồi hồi trong lòng chị...

Rồi, người đàn bà cô độc nọ bỗng như sượng sùng bẽ thẹn trước cái vẻ lãnh đạm của thiên nhiên; và, lần ấy chị bắt đầu nhận rõ cái vực sâu nó ngăn cách tạo vật với người. Chị toan xách dao trở về. Thốt nhiên dưới dòng nước trong, chị thoáng thấy vệt cát lấm... Chị vội chạy lên đám gành đá, cúi nhìn, thì quả nhiên

mặt nước đã đục ngầu... Chị cầm lăm lăm con dao trong tay, đem hết sức mắt soi xuống dòng ngòi... Trong đám nước bùn, hiện ra hai khúc dài, một đen một trắng, vẩy vùng, quẩn quại, lẫn lộn xoắn xuýt lấy nhau...

Đích rồi! Cuộc chiến của đôi giao long quả nhiên dữ dội, tàn khốc, chí mệnh. Trái tim chị chàng đập thành thạch, chị lăm le giáng một lưỡi dao để kết liễu trận tranh hùng... Thoáng cái, một khúc trắng vừa nhô lên thì, nhanh như chớp, lưỡi dao đã chém đứt phăng dòng nước. Một vết máu loang ra. Chị chàng thấp thỏm chờ... Cái gì kia? Cái gì như một khúc đen lập lờ dạt theo làn nước cuốn?... Trời ơi!... Có lẽ chị chàng hoa mắt!... Không chị đã hấp tấp chém phải đứa «con nuôi» yêu mến, chị đã vô tình cắt đứt cái tựa nương của đời mình!...

Chị chàng khốn nạn hoảng kinh; con dao cầm trong tay rơi xuống đá xoảng một tiếng. Chị giật mình, buông tiếng khóc, đoạn chạy té xuống dòng ngòi vấy máu, cổ vót cái xác đã cứng đờ và lạnh ngắt. Chị đem xác Cuồng lên bờ, ôm vào lòng và khóc than thảm thiết.

Rồi từ hôm ấy, chị chàng đánh cá lại quay về với những nỗi nhọc nhằn lận đận chị vừa quên được trong ít lâu nay.

Trong khoảng non cao rừng rậm ngòi thăm nước xanh, chị chàng lại âm thầm tha cái đời hiu quạnh. Mà nỗi quạnh hiu, lần này, chị thấy nặng như một tấm đá đè trên miệng huyết...

Con bò dưới Thủy tề

Buổi trưa một ngày tháng Sáu.

Trận mưa sùi sụt từ mấy hôm trước lúc ấy tạm ngừng. Những đám mây trắng đục, vẫn khắp bầu trời, lắng xuống cảnh vật một thứ ánh sáng lạnh lùng. Núi xa gợn thành những vệt thiên thanh sẫm. Những đám hơi nước kéo ngang sườn núi như những dải sô trắng, cỏ cây xò xạc, có dáng mệt mỏi sau luôn mấy hôm bị giày vò dưới những giọt mưa kế tiếp.

Trên mặt đất, vật gì cũng đầm đìa những nước. Mặt hồ Ba Bể dềnh lên, nom như một mảnh gương mờ. Ngọn gió chốc chốc thoảng khí lạnh vào tâm hồn.

Lúc ấy, trên cái sân phơi trước mấy gian nhà tre lớn, cách xa lợ nước bốn năm chục thước, Ma Thái Ảnh ngồi bó gối, đôi mày cau có, vẻ mặt hăm hăm. Tuổi trẻ, vóc người cao và mảnh, chân tay dài, gân guốc. Đầu tuy bé mà cổ rất to, mặt lưỡi cày, da bánh mật điểm mấy nốt rỗ huê. Cái trán thót và ngắn không đủ chỗ cho cặp lông mày chữ bát rậm rì che trên đôi mắt voi. Cái mũi ghé nhòm cái mồm rộng, cặp môi thường mím chặt, họa hoàn nở một nụ cười, khi đắc chí. Thái Ảnh rất ít nói. Nhưng sau cái bộ lì lì ấy thường ẩn vô số ý tình nghịch. Trên đời, Thái Ảnh chỉ có một sự ham mê: săn bắn. Theo ý anh ta, phát được mũi tên

trúng chỗ hiểm của con vật mình định giết, tức là cái khoái lạc vô song, và đuổi theo kỳ cùng một con ác thú vào tận rừng sâu thung rậm mới là cái trò quảng mẽ xứng đáng với cặp mắt tinh nhanh, cái tài trăm phát và cái sức khỏe có thừa của mình.

Nhà có độc một mẹ một con, thế mà hơi được văn việc ruộng nương, anh ta đã xách nỏ vào rừng. Bà mẹ, vì vậy, thường âm thầm một mình trong mấy gian nhà trống rỗng. Lắm lúc bà thấy con ham mê săn bắn quá, thường can ngăn hoặc đức lác, nhưng lời mẹ nói chẳng ăn thua!

Luôn mấy hôm trời mưa, Thái Ảnh phải ngồi nhà. Bà mẹ định nhân dịp ấy khuyên con lưu ý đến việc làm ăn để mẹ con hôm sấm gần gụi nhau. Định thế, nhưng có lúc nào bà nói được ý mình. Thái Ảnh bị bó chân, suốt ngày tằm tức,

nguyên đất rửa trời, ném dao quăng điếu, đứng không yên chỗ, ngồi thấy ngứa chân và, hồ thấy mẹ đến gần là vội lảng vào buồng nằm, hoặc xuống nhà chòng ghẹo mấy mống chó con.

Trưa hôm ấy, trời tạnh ráo. Thái Ảnh đã mừng. Nhưng, lúc ra sân nhìn trời mây và thấy chưa có ý hẹn cho cái điều mình muốn, anh ta bực tức vô cùng, ngồi bệt xuống sàn một cách thất vọng. Thái Ảnh chỉ ước ao có cái chổi phép gì quét sạch hết mây đen, hay có thể gì dấm lên cái bộ mặt ủ ê của cảnh vật mấy dấm cho bỏ ghét.

Thốt nhiên, ngoài cổng, có tiếng người reo :

– Biết ngay đoán không sai mà!... Có thể chứ lại!

Thái Ảnh thấy Sau Rắt tất tả lên thang, liền đứng phắt dậy hỏi dồn :

– Cái gì thế, Sau Rắt?

– Về mấy dấu chân ở ngoài bãi hồ ấy mà!... Tôi đoán ngay là dấu chân bò, anh cứ gân cổ cãi mãi!...

– Thế sao?

– Sáng hôm nay tôi rình xem, quả nhiên là một con bò, to lắm, béo lắm!...

– A thích nhỉ!... Anh bắn ngã nó rồi chứ?

– Tôi thích quá, hấp tấp thành bắn trượt; nó... lặn ngay xuống hồ!

Thái Ảnh cau mặt lại :

– Cái gì?... Anh vừa nói cái gì?

– Tôi bảo con bò ấy nó lặn xuống hồ mất mà lại!

– Này thôi! Có phải anh định đến đây để giễu tôi thì mời anh bước ngay... Tôi là một thằng cục tính, hử anh đã biết!

– Ô hay! Anh không tin ra bãi xem! Hiện dấu chân nó còn kia.

Bà mẹ Thái Ảnh thấy hai người cãi lẽ nhau, ngó đầu ra bảo con rằng :

– Sau Rắt nói thật đấy, con à!... Mẹ, khi còn nhỏ, vẫn nghe các cụ già nói: «Ở gò ta thỉnh thoảng lại có con bò dưới Thủy tề lặn lên». Có lẽ là nó đấy.

Sau Rắt hớn hờ :

– Anh xem! Giờ hử anh không còn ngờ là tôi nói đùa nữa. Tôi lại đây chính để bàn với anh cái cách săn con bò ấy.

Bà mẹ Thái Ảnh vội xua tay.

– Chớ!... Cửa thiên chớ có động vào! Hai người nên nghe lời ta!

Thái Ảnh đưa mắt cho bạn rồi nói rằng :

– Tưởng loài vật thường thì săn, chứ cái quái ấy thì tôi chịu!

Bà cụ thấy lần này Thái Ảnh chiều ý mình một cách dễ dàng quá, bà lấy làm ngờ. Nhưng Thái Ảnh khéo làm mặt tự nhiên, khiến bà được yên lòng.

Sau Rắt hiểu ý bạn, cũng lảng sang chuyện khác. Hai người dắt nhau vào nhà hút thuốc.

Nhân lúc bà cụ xuống thăm ổ trứng gà, Thái Ảnh khế bảo bạn :

– Anh cứ về sắp sửa sẵn sàng và rủ cả bọn khán Nạn một thể. Mai sớm tôi sẽ lại. Ta nhất định bán con bò ấy. Lâu nay mình đang thèm thịt. Vả, thịt bò dưới thủy, đánh chén hẳn ngon!

*

Sáng hôm sau, trời lại lấm tấm mưa. Mây nước, núi rừng vẽ ra một bức tranh thủy mặc mờ mờ. Dưới những giọt nước nhè nhẹ, mặt hồ gợn lăn tăn thành những cái vòng tròn xoắn xuýt. Tiếng mưa gieo ngấn nước, nghe lăn tăn rất hay. Bờ lau bụi sậy yên lặng như tờ. Ánh sáng nhạt nhẽo và vẻ đìu hiu làm cho cảnh hồ ban sáng lạnh lùng như một cảnh chết...

Thốt nhiên, mặt hồ hơi sóng sánh; rập rình, nhấp nhô, trao lộn... rồi phun

lên hai vệt nước trắng, phè phè như tiếng bể lò rào...

Một cái rung động chạy thoáng qua đám lau lách trên bờ...

Tiếng phè phè mỗi lúc một mạnh; sau cùng một cái đầu thú nhô lên... Dưới cặp sừng nhọn hoắt, hai mắt lắc lảo nhìn nghi ngại...

Bốn bề vẫn yên lặng... Trong khoảng trời cao hồ rộng, tuyệt nhiên không có tiếng động nào khác tiếng mưa rả rích và tiếng nước phun từ hai lỗ mũi con vật khác thường kia...

Cái đầu thú lập lòe nghe ngóng chán rồi mới men lại gần bờ và nổi hẳn mình lên trên mặt nước. Chớp mắt con vật đã sừng sững hiện trên bãi cát. Hình dáng, tầm vóc, cả cái sắc lông đỏ quạch đều

hiển nhiên là một con bò. Nó rùng mình một cái, những giọt nước còn đọng trên lông bắn tóe như mưa, đoạn nó lững thững đi về phía rừng cây...

... «Trếch!... Trếch!...»

Dây nỏ bật liên liên...

Tự những đám lau sậy chung quanh đấy, một bọn đông người mọc lên như ma hiện. Trong số ta nhận thấy Ma Thái Ảnh và Nùng Sau Rất.

Con vật, trúng tên, rống lên một tiếng nguy cấp rồi vùng chạy xuống hồ. Muộn rồi! Bọn thợ săn đã đoán trước ý ấy. Họ vội chạy tản theo lợi nước, miệng hò reo ầm ĩ. Thấy đường về bị cắt, con vật ngán ngừ một lát đoạn phá vào rừng. Nhưng nó vừa loạng choạng được mấy bước đã lăn ềnh ra bãi, mắt trợn ngược,

mồm sùi bọt, giãy lên mấy cái rồi nằm im...

Bọn thợ săn chia nhau kẻ đứng canh, người chạy tìm cỏ khô, rơm nỏ và gọi dân làng đến. Chỉ vừa nhá giập bã trầu, trên mặt bình sa đã bốc lên một đám khói đen nghi ngút rồi lửa cháy bùng bùng thui con vật còng queo. Chung quanh thì già trẻ, lớn bé xúm lại như đàn ruồi, cười nói như chợ vỡ.

Trước hết, người ta cắt nguyên một đuôi, quả tim, lá gan là phần mũi tên đầu và phạm nhất của anh chàng họ Ma. Rồi cứ theo thứ bậc từng người mà phân phát kẻ một xâu, người một xách, ai về nhà nấy, để tro lại một đồng tro tàn theo giọt mưa trôi ố sặc cát hồ. Cái tịch mịch lại dần buông trùm xuống cảnh vật. Trong khoảng trời cao hồ rộng, lại chỉ

thấy tiếng mưa rả rích và tiếng sóng uể oải đập bờ...

Thái Ảnh lễ mễ xách phần thịt của mình về nhà. Từ lúc anh phát được mũi tên rất tài tình nọ, tiếng khen ngợi luôn luôn gõ vào lòng tự ái của anh chàng. Nhất là những cái nhìn thán phục của mấy cô gái càng khiến anh ta như say sưa. Thái Ảnh sẵn bản thường được nhiều vật lạ, cả hổ báo là những giống nguy hiểm biết báo thù, kẻ tài kém gan non ít khi dám trêu đến; nhưng cái vinh dự của anh ta lần này mới thực tới chỗ tuyệt cao. Họ chịu cái tài anh bắn giỏi không bằng họ kinh cái gan anh dám chẳng kiêng nể vật thiêng liêng.

Thái Ảnh nghĩ ngợi liên miên, mãi lúc về tới cổng mới sực nhớ đến lời mẹ dặn. Anh ta ngập ngừng lo sợ, chưa dám

quả quyết lên nhà. Ngay lúc ấy, bà cụ bước ra sân, chừng đang nóng nảy chờ con. Bà thấy Thái Ảnh, cơn giận ở đâu đưa ngay lên cổ, bà quát mắng rằng :

– Thằng con mất dạy kia! Mày định đem tai vạ về cho tao đấy phải không? Muốn sống bước đi đâu thì bước, đừng bận mắt tao nữa!... Đi!... Đi ngay!... Trời ơi, con ơi là con!... Thân già này rồi cũng đến khổ vì mày thôi!...

Thái Ảnh cúi đầu nghe mẹ mắng. Anh ta tự thú rằng không nghe lời mẹ như thế là có lỗi, bèn lúi thủi xách phần thịt của mình sang nhà Sau Rắt. Đến nơi, Thái Ảnh đã thấy họ đang chẻ chén linh đình, mùi thịt mới xào thơm nức mũi. Ai nấy tiếp Thái Ảnh bằng cái vẻ ngạc nhiên.

– Tôi vừa về đến cổng, dì tôi chửi rầm lên, nhất định không cho vào cổng, nói rằng con bò của thần, ai dám động vào tất bị tai vạ.

Bọn kia cười :

– Thế rồi anh sang đây?... Tốt lắm! Anh ở đây chén với chúng tôi càng vui, tai vạ đâu, bọn ta cùng chịu chứ sao!

Thái Ảnh ngập ngừng :

– Tuy vậy, những điều tin tưởng của người già, ta chớ nên coi thường cả...

– Ô hay! Cái anh này hôm nay cũng lẩn thần nhĩ. Cơ dễ anh hỏi rằng đã cho chúng tôi bữa chén vui?

– Này thôi, đừng có làm cái bộ dạng đàn bà thế nữa mà khó coi lắm!

Mỗi người bông lơn một câu, khiến cho Thái Ảnh cũng phải vui vẻ ngồi xuống...

Vụt chốc, mọi người thấy tối sầm lại. Mây đen kéo khắp trời. Dải đất tối mù, giáp mặt không trông thấy nhau. Gió bão, tự chân rừng xa, kéo đến như thiên binh vạn mã. Cây cối đổ gãy rầm rầm. Chỉ trong nháy mắt, mái nhà tốc sạch, lá lợp bay tung như bướm bướm. Súc vật hoảng kinh chạy phá vào rừng. Đàn bà trẻ con riu rít gọi nhau. Nước hồ cuộn cuộn. Những làn sóng cao ba bốn thước, trắng xóa tự ngoài khơi kể tiếp ném vào bờ như một đàn thủy quái điên cuồng. Một làn chớp lóe mắt rạch ngang khoảng đen tối, tiếp ngay mấy tiếng sét long trời chuyển đất, hồi lâu còn vọng vào thẳm rừng sâu, những tiếng rền rĩ ghê người... Mưa trút xuống như thác, tiếng ồn ào

át cả tiếng người kêu vật rống. Nước hồ dâng lên trông thấy, mặt gò hẹp mãi lại... Nỗi kinh hoàng của một dúm người mất tăm giữa trận phong ba ấy thực khôn xiết nói... Gió mỗi lúc một gào thét, mưa mỗi lúc một bàng đà, sóng hồ mỗi lúc một to thì chóp mỗi lúc một liền, mà sấm sét cũng mỗi lúc cấp, như tiếng trống trời điểm dịp cái khúc nhạc mê hồn... Sau cùng, mặt đất bắt đầu chuyển động, cái gò đất hình như đã không chịu nổi sức sóng vỗ gió lay...

Thái Ảnh níu lấy tay bạn, tái mặt nói rằng :

– Anh xem!... Xưa nay có thể bao giờ!... Thôi!... Thôi!... Thôi đích rồi!... Tai nạn này gây nên chính tự bọn ta!

Sau Rất đã nao lòng, nghe Thái Ảnh nói càng thêm sợ, vội vàng hỏi bạn :

– Làm thế nào bây giờ?

– Chết!... Chết cả!... Giờ thì muôn việc đều muộn rồi!... Tôi phải về thăm dì tôi đây!...

Thái Ảnh vừa nói vừa chạy đâm bổ vào quăng tời. Sau Rất toan níu bạn lại, bỗng nghe nổ một tiếng cực to... Cái gò đất, như một con cá kình vừa thức giấc, lặn băng xuống đáy hồ, để lại một đám bọt nổi là cái khu nhà của mẹ Thái Ảnh...

Trong đám ồn ào thế là thôi không thấy tiếng người, tiếng vật nữa. Sóng hồ tung tóe rập rờn, mừng thắng trận...

Cái gò chìm thì cơn phong vũ bắt đầu ngớt rồi tạnh hẳn. Chỉ trong giây lát trời lại quang sáng lại lặng, mưa lại tạnh, gió lại êm. Giữa khoảng tịch mịch vô

cùng, có chẳng cái tiếng rền rĩ tự trong nếp nhà xiêu vẹo sót lại trên mô đất con con... Nhưng, chính cái tiếng ấy đã yếu lắm, nó chỉ là âm vang của chút hơi tàn...

Trên nền thiên thanh trong vắt, sau những dải mây nhè nhẹ, mặt trời lại hiện ra, chói lọi, tươi cười. Nước hồ gợn những vệt vàng lấp lánh. Lúc ấy, ví có người khách lạ phương xa đứng nhìn cảnh vật, tưởng không ngờ đâu, vừa mười phút đồng hồ về trước, đã xảy ra một trận phong ba chìm đắm biết bao cuộc đời.

Trải qua một cuộc biến dâu, còn lại chỉ một mô đất nhỏ, người sau gọi là gò Yên ngựa; và mấy cái cột nhà vẫn đứng dưới đáy hồ hôm nào trời quang gió lặng, ai để ý nhìn mới thấy. Di tích có

bấy nhiêu, mong manh lắm! Mà, trước sự biến thiên của vũ trụ, cuộc đời con người ta xem vậy thực vô thường!

Đôi vịt con

Qua những đám mây xốp trắng, mặt trăng tròn vành vạnh như một cái đĩa ngọc dạ quang treo lơ lửng giữa vòm trời xám nhạt. Ánh sáng trong và mát dịu soi xuống mặt sông chảy như một dòng thiếc lỏng, in lên mặt đường trắng lấp và những mái nhà tranh âm thầm. Chân trời sáng trưng lên. Những chòm cây lẻ loi đằng xa thu bóng đứng cù rù.

Phố xá vắng tanh.

Bọn trẻ âm ỉ lúc chập tối giờ đã ngủ yên. Đến lượt các cô sơn nữ bắt đầu phụ trắng, phụ “nàng Cuôi”, một cuộc vui rất nhiều thi vị ở đường rừng.

Người ta giải chiếu ra đường, lấy một cái sọt nứa úp vào giữa, trên sọt cài một quả bưởi giả làm đầu, ngang sọt xiên một cái đòn gánh làm hai tay. Cái đầu “bưởi” ấy cũng bịt khăn thêu tử tế còn cái “mình sọt” thì khoác tấm áo trắng dài, hai ống tay luồn ra ngoài hai đầu đòn gánh.

Xúm quanh cái hình nhân rỗng ruột ấy, các cô sơn nữ đua nhau đốt hương, dâng hoa sì sọt khăn, hai mùi thơm nhẹ nhẹ tản theo làn thanh khí đêm thu.

Khăn khứa xong, các cô đỡ lấy hai đầu đòn, rồi cùng nhau cất tiếng hát:

Mơ... ời, mời me nàng li lả,

Mời me pả nàng Cuôi...

Cuôi ngân tắc nậm lầu nậm nỉ,

Pi cấp noọng... chùa lù...ùng...

Lùng kin thắc mậy chủ... ử...

Lùng tiên chủ... thế gia... an...

Giữa cái lạng lẽ canh khuya, những tiếng hát sang sảng ấy tấu thành một điệu hát huyền bí mơ hồ...

Hình nhân bắt đầu nhúc nhích rồi cựa mạnh. Nàng Cuôi đã giáng, Hằng Nga đã giáng, sẵn sàng chịu chuyện khách trần gian. Mọi người buông tay ra. Những câu hỏi tiếp nhau, pha lẫn những tiếng cười giòn...

– Nàng Cuôi à! Noọng bao nhiêu tuổi nhỉ? Cô mười tám tuổi ư?

Đầu đòn gánh sẽ gõ xuống chiếu mười tám lần.

– Nàng Cuôi à! Chị Liễu có chồng chưa nè? Có thì nàng gõ hai, không thì nàng gõ một...

– Nàng Cuôi à! Nội đây thì nàng yêu ai nhất?...

Khách Quảng Hàn xoay quanh một lượt, bỗng đặt tay... à quên!... đặt đầu đòn gánh lên vai cô Ninh...

– Ô! Cô Ninh thì cứ gì nàng Cuôi mới yêu. Ngay trần gian chúng tôi cũng...

Câu nói bốn của thầy cai thơ lại Biên làm cho các cậu trai tơ đứng vòng quanh bên ngoài và các bạn cô Ninh cười rộ.

Cô Ninh quay mặt vào phía trong, cô cúi đầu yên lặng.

– Tôi nói thực tình, không phải nhảm nhí đâu, cô Ninh đừng giận nhé!...

Không! Cô Ninh không giận, nhưng cô rất thẹn. Cô tự biết đối với nhan sắc của mình, cậu trai trẻ nào cũng máy môi câu ấy cả.

Mới mười tám tuổi xuân, cô Ninh có thể gọi là một bông hoa hiếm của rừng xanh. Cái áo chàm điểm những đường thêu dịu bó sát lấy mình cô, cái mình mềm mại, tròn trặn như một đoạn song non. Chiếc xiêm thêu ngắn để hở hai bắp chân xinh và đôi gót đỏ như son. Mấy vuông khăn cải những miếng trám vàng đỏ quần sơ ngoài mái tóc đen nhánh càng tôn cái màu da sữa. Nét mặt trái xoan. Tia mắt sáng như lưu ly. Cặp môi thắm như một nụ hồng. Đến cái dáng đi thì thật tuyệt. Nó là cái dáng đi của một bà công chúa trong mơ.

Đêm đã khuya lắm.

Mặt trăng chỉ còn cách đỉnh núi Thần bằng một con sào. Khí trời lành lạnh. Hằng Nga trở về cung Quảng; và đám đông cũng chia tay...

Phố xá lại vắng ngắt...

Ánh trăng thêm thiếp ngủ trên cái lặng lẽ đêm sâu...

Theo con đường vào trại, in loang lỗ bóng xoan tây, thấy cai Biên, đầu cúi gục, vừa đi vừa nghĩ ngợi...

Trẻ tuổi, lại dòng dõi thi thư, thấy cai chỉ vì bức với bọn kỳ mục trong làng mà đầu quân. Trong cái bộ áo nhà binh, thấy cai vẫn có cái vẻ nho nhã. Khuôn mặt dài, màu da sáng, trán cao, mắt sáng và ngay thẳng đã như biểu lộ hết tâm tình người thiếu niên anh tuấn.

Thầy cai làm việc quan rất mẫn cán và cư xử lễ độ, nên quan trên và chỗ bằng hữu đều một lòng yêu chuộng.

Chỉ phải cái vẻ mặt hơi buồn, vì từ khi đổi lên đây, thấy Biên lúc nào cũng vợ vắn nhớ nhà.

Cũng như hầu hết các người Việt Nam dưới trung châu, thấy Biên chân lên đất đường rừng này, trong trí đã đem theo rất nhiều cái thành kiến ngộ nghĩnh. Phải sống trong một cảnh mà thiên hạ vẫn đồn là nơi ma thiêng nước độc, với một đám đông người tính tình, phong tục, tập quán, ngôn ngữ đều khác hẳn với mình, thấy Biên tự coi như một kẻ cô độc, tẻ hơn nữa, như một kẻ đi đày! Những lúc sáng sớm chiều hôm, nhìn cỏ núi hoa ngàn, nghe nai kêu vượn hú, buồn tha hương càng nung nấu trong lòng...

Thầy vẫn rình cơ hội tốt để vận động về dưới xuôi, chứ sống ở đây thì sống sao được!

Thế mà... một ngày kia, chỉ vì một sự gặp gỡ, thầy Biên bỗng thay đổi hẳn ý tình.

Một hôm, nhằm phiên chợ, Biên tò mò chạy xem cho đỡ buồn thì gặp cô Ninh.

Rồi từ đấy, cặp mắt ngây thơ, nụ cười ý nhị và cái gương mặt mơn mớn dưới ánh chiều xuyên qua lớp lá đa thưa cứ vẫn vờ trong tưởng tượng thầy cai... Nỗi buồn lữ thú trong lòng Biên vụt đã tiêu tán hết, nhường chỗ cho mối tình mới chớm.

Nhất là đêm hôm nay, nhìn cô sơn nữ thấp thoáng dưới ánh trăng, tấm lòng

thầy cai càng thổn thức rung động một cách sâu xa, êm đềm... Những thành kiến khi mới lên đây, giờ đổ nát cả. Cảnh rừng xanh núi đỏ, cảnh đèo heo hút gió, Biên nhận thấy là một cảnh có nhiều thú vị đặc biệt, nhiều cái rất nên mộng nên thơ.

Thầy cai không buồn nữa, không nhớ nhà nữa. Trái lại, thầy rất sẵn sàng đem cái thổn thức của lòng mình đáp lại cái tiếng gọi huyền bí của sơn lâm, nếu tiếng gọi ấy sẽ từ miệng cô Ninh...

Hai năm sau.

Thầy Biên và cô Ninh đã thành một đôi vợ chồng xinh đẹp, và đã có con.

Một hôm, thầy cai được giấy măn lại tiếp luôn cái tin anh trai thầy ở nhà mệt.

Thầy phải về. Cuộc ái ân giờ đến buổi

phân ly. Hai vợ chồng đều buồn. Nhất là cô Ninh càng lo lắng... Cô hoảng hốt nhìn chồng, nhìn dài đường xa đầy rẫy những bí mật. Chồng cô đi, đi về quê. Cái tình quyến luyến ngấm ngấm của cô không biết có đủ sức làm cho chồng lại có ngày nhớ đến mà lên chăng! Khó lòng lắm. Họ hàng, làng nước cùng những lễ bó buộc, những sức mạnh tối tăm khác nó sẽ xui giục, uốn nắn thầy cai theo một lối khác, cái lối chẳng đưa hai người lại gần nhau, chẳng phải là lối trở lên rừng. Vả chăng, đối với nhau, cô chỉ biết có lòng mình, cô chỉ chắc ở niềm ân ái của mình; còn thầy, đã hẳn đâu thầy thực tình thương cô như một người vợ! Người đàn ông có thể ăn ở với một người đàn bà rất lâu mà chỉ coi như một vật mua vui, một thứ giải buồn khi lữ thứ...

Trời ơi! Yêu người mình yêu để đến

lúc phân ly mình phải ngò vực chính người yêu ấy, tâm sự cô Ninh thực đã đến điều đau khổ.

Thầy Biên chừng đoán rõ tấn bi kịch trong lòng vợ, nên thầy hết sức khuyên giải, hết sức vỗ về, hết sức làm cho cô Ninh tin ở lời hẹn sẽ lại đoàn viên.

Cúi đầu nghe chồng nói, cô Ninh chỉ ôm chặt đứa con thơ vào lòng và ứa hai hàng nước mắt. Cô tưởng như có lắm điều muốn nói cùng chồng, mà thực ra cô chẳng nói được lời nào! Đau đớn cũng như yêu thương, cái cảm tình của cô gái sơn lâm nó chỉ ngấm ngấm trong lòng...

Ông Chánh, bố đẻ cô Ninh, gọi con ra một chỗ vắng, đưa cho hai quả trứng và bảo rằng:

– Nếu con muốn chồng con trở lên đây, thì con hãy luộc đôi trứng này cho nó ăn.

Cô rụt rè kinh hãi. Đối với chồng, cô không muốn dùng những cách ám muội. Tuy nhiên, sự nghi ngờ sau cũng thắng đoạt được dạ thuần lương.

– Anh à! Chịu khó ăn với em hai quả trứng này nữa.

Lúc ấy bữa cơm đã xong, thầy Biên đã đứng dậy. Vì không muốn để phiền lòng vợ, thầy vui cười ăn hết hai quả trứng.

– Thế nào anh cũng lên nhé... con nó nhớ mong tội nghiệp nè!

– Em cứ yên lòng, đúng hẹn một tháng thì anh lên.

– Đừng quên đấy! Nếu đúng hẹn mà anh không lên thì sẽ có sự chẳng lành.

Thầy Biên nhìn vợ, hiểu câu ấy một cách khác, nên cảm động lắm :

– Em Ninh! Thế nào anh cũng lên, em chờ nghĩ đại đột nhé!...

Cô Ninh tiễn chồng ra tận xe. Cô nhìn chồng nhìn con bao nhiêu, lòng càng đau xót. Tiếng còi như xé ruột rồi tiếng máy chuyển rầm rầm; chiếc xe cuốn bụi theo thầy cai đi...

Cô Ninh kéo vạt áo che mặt nước mắt khóc. Lúc ngẩng đầu lên thì...

Đoái trông nhau đã cách ngàn,

Tuôn màu mây biếc trải làn núi xanh...

Thầy Biên về đến nhà chỉ vừa kịp nhìn mặt anh trước khi anh tắt nghỉ.

Công việc ma chay xong, kể đến việc gia đình, việc thôn ấp trăm thứ nghìn thứ bộn bề tíu tít, khiến thầy quên hẳn cả thời giờ...

Một đêm kia, thầy Biên bỗng giật mình thức giấc, nghĩ đến vợ con. Thầy rờ tay bấm đốt, tính từ hôm về đến nay vừa chẵn một tháng tròn.

Một tháng tròn! Theo như lời thầy đã hẹn, cô Ninh hẳn đang mong mòn con mắt...

– Đừng quên đấy, nếu đúng hạn một tháng không lên, sẽ có sự chẳng lành!

Thầy Biên lo ngại bồn chồn, những cảnh tượng thảm thê lần lượt hiện ra trước mặt. Thầy trông thấy nét mặt rầu rầu của vợ, nét mặt đầm đìa những lệ nhớ mong... Cặp mắt lưu ly dần dần mờ,

nụ cười ý nhị dần dần phai, rồi cô gái đẹp sơn lâm vụt biến thành cái thây ma lạnh cứng, bên mình, một đứa con khóc nhếch nhác...

– Mai ta phải ngược!

Quyết định như thế, Biên quay mình vào phía trong định ngủ, thì tự nhiên nổi cơn đau bụng dữ dội. Cả nhà hốt hoảng, vội đón thầy chạy thuốc tíu tít. Vô công hiệu! Biên chỉ giãy giụa chừng mười lăm phút đồng hồ, bỗng thổ huyết rất nhiều rồi chết. Biên vừa tắt nghỉ, một đôi vịt con tự trong bụng chàng vụt chui qua cuống họng ra ngoài rồi biến mất...

Sáng ngày hôm sau, ở trên rừng, người ta thấy xác mẹ con cô Ninh nổi lập lờ theo dòng suối trong xanh...

Mũi tên đẹp loạn

Về hồi ấy, suốt một vùng đồi lũng chạy dài theo miệt hữu ngạn Thanh Giang, thuộc địa phận tổng Bắc Nhụng, hãy còn rậm rạp những rừng. Cái cảnh hoang vu cổ lai như chưa từng bị loài người xâm phạm. Vì, trên mặt da cây xù xì rêu mốc, tuyệt nhiên không có dấu chặt đẽo của búa rìu, và dưới từng cỏ rác mọc lũy khiếm lên nhau, cũng không hề thấy di tích của nhà, đường sá. Những loài thảo mộc tự hồ lấy đấy là

quê hương. Nhất là về mùa tháng Năm tháng Sáu, lá cây rườm rà che khuất cả mặt trời. Bên dưới thì những dây mây dây mé, thiếu cóc, nhựa vàng chằng chịt cành nọ sang cành kia, nối liền gốc cây này với gốc cây khác, kết thành một khối xanh xanh vĩ đại.

Dưới trần lá kín mít, trong chỗ tranh tối tranh sáng lạnh lùng ẩm ướt, chỉ thấy những loài chim rừng, thú dữ, sâu, kiến, rắn, rết bay, chạy, nhảy, ẩn núp, rình mò... Cả cuộc sinh hoạt tối tăm ghê tởm, nhịp theo tiếng gió vụt đầu cành, suối dồn kẻ đá ấy chưa từng bị ngăn trở, chưa từng bị quấy rối bao giờ.

Nhưng...

Một ngày kia, một ngày cuối thu, trời đã xế chiều.

Qua những cành trơ trụi, tà huy len lỏi vào rừng, nhóm lên mặt lá cây xanh bóng hàng vạn điểm sáng lung linh... Cái lặng lẽ ngày thường lúc ấy bỗng rung động lên vì những tiếng sột sạt của lá khô bị giày xéo.

Tiếng động thoát tiên còn rụt rè, băng đi, rồi rõ mồn một...

Giữa khoảng những cổ thụ thấp thoáng hiện ra một bóng người...

Bóng đen cứ rón rén đi mãi, hết lom khom lại cúi rạp xuống, có lúc vươn thẳng lên một cách mạnh bạo, có lúc đứng sững lại, yên lặng như một gốc cây, hoặc rút con dao lưng sáng quắc gạt những con vắt xanh lầy nhầy đang leo bám lên mình. Sau lưng thì hàng vạn con muỗi đói bay vù vù, lẳng nhẳng theo cái mỗi hiểm lạ. Dưới gốc cỏ, những con

rắn, những con cây, giựt mình chạy roàn roạt. Những con ếch, nhái khổng lồ gan góc hơn, thì giương mắt nhìn thao láo, đoạn kêu rầm lên như báo cho cả rừng cây biết sự khác thường.

Bóng đen đi qua giữa vùng ánh sáng tự trên cao rót xuống như một bó tơ óng. Thì ra một chàng trẻ tuổi cao lớn, khỏe mạnh, đầu bịt khăn vải, mình mặc áo xanh, lưng đeo dao, chân quấn xà cạp, tay cầm chiếc nỏ cánh dâu. Chàng ngẩng nhìn, lộ ra một khuôn mặt bầu bầu, da bánh mật, cặp mắt to sáng quắc dưới đôi mày rậm, mũi sư tử, miệng rộng, môi dày, điểm loáng thoáng mấy sợi râu non. Chàng có vẻ lo ngại nhưng quả quyết, tự hồ đang nghĩ ngợi một chuyện gì quan trọng lắm.

 nhiên một tiếng... hai tiếng hú khe khe...

Nhanh như chớp, chàng trẻ tuổi lẩn vào một gốc cây gần đấy và nín hơi, chờ...

Ngay lúc ấy, xa xa đằng phía trước, hiện ra một cái bóng người nữa, thấp lùn, to lớn, quần áo sặc sỡ, dáng đi khệnh khạng, trong tay cầm lăm lăm thanh gươm, người ấy nhón nhác trông chung quanh và hú lên một tiếng thứ ba nữa, đoạn lắng tai nghe rất lâu... Bốn bề vẫn im lặng, cái im lặng sâu thăm thẳm.

Chàng trẻ tuổi khe khẽ kéo dây nỏ, rút mũi tên vầu đặt vào lòng máng gior lên...

Cái bóng người vẫn ra vẻ nghi ngại, nhìn dò la từng gốc cây, từng tàu lá...

“Trếch!...”

Dây nỏ bật một tiếng lạnh lẽo.

Cái bóng lùn nhảy vọt lên, vùng chạy được mấy bước, đoạn ngã vọt xuống. Chàng trẻ tuổi nhảy xổ lại, nhẹ nhàng như một con báo. Một làn chớp lòe ra, một cái đầu văng trên ngọn cỏ...

Chàng trẻ tuổi cúi nhìn, mỉm cười một cách dữ tợn. Chàng chúi lưỡi dao lên thân chết, cài vào vỏ, rồi một tay xách cái đầu lâu vấy máu, một tay nắm chân cái thân chết lôi xềnh xệch lại gần chỗ nấp vừa rồi, ném cái đầu lâu, đoạn lẳng cả cái mình cụt xuống đám cỏ rác. Thì ra bên dưới có một cái hố sâu.

– Những quân chó này, không giết cho hết để làm gì! Tao đây không phải là kẻ để cho chúng bay ăn hiếp được!

Chàng liễu kết cái tấn kịch thảm thê lặng lẽ bằng mấy câu nói cứng cỏi ấy

xong, cúi xuống nhặt chiếc nỏ lên tay, lùi lùi bước đi.

Rừng cây lại chìm sâu trong cái tịch mịch nghìn đời...

Chàng trẻ tuổi đã ra tới bờ một khúc ngòi rộng và nông chảy róc rách trên mặt sỏi trắng.

Chàng đứng dừng lại, thờ thần nhìn cảnh làng mạc ruộng đồng bên kia bờ nước. Cái cảnh mới rục rở làm sao! Ánh chiều in lên mọi vật, làm cho toàn cảnh sáng trưng lên như một hoàng kim thế giới. Trên mặt đồng lúa chín, nhà cửa rải rác ẩn khuất sau những rặng chuối rườm rà. Rừng thu căng lên chân trời một tấm sa dài màu úa sẫm. Vòm trời cao tít, điểm vệt mây lòng tôm, hạt lựu, lửa đỏ, cánh sen, tàn hương, bạch yến, phớt tím, sạm vàng. Nước ngòi in sắc mây trời, lung

linh như một con đường ngũ sắc chạy xa về cõi mộng thơ... Mấy vệt khói tự nóc nhà tranh bốc lên cao như những cái ý nghĩ vẩn vơ. Không khí ẩm áp, sức nức mùi lúa chín. Thỉnh thoảng một vài cái mỗ trâu rung lốc cốc, điểm lên cái yên lặng của cảnh vật những tiếng cổ lỗ xa xôi...

Chàng trẻ tuổi bỗng cau lông mày, mắt sáng quắc, nghiêng răng nói :

– Không! Nhất định không! Dù có phải chết nữa cũng cam lòng chứ không khi nào ta chịu để cho giống Mèo tàn phá cái cảnh đẹp này!...

Nói đoạn, chàng lội qua suối, sang bờ bên kia. Tà huy đã tắt. Đêm trường. Trong chớp mắt, những vệt vàng son lộng lẫy của thiên nhiên đã bị xóa sạch... Giun để bắt đầu cử khúc nhạc năm canh.

Không khí mát lạnh. Lá cây rì rào trong gió thoảng.

Nghe tiếng chân người, một hai rồi ba bốn mươi con chó sủa rầm lên. Cái xóm nhỏ rừng mình xào xạc. Sau những tấm phen che cửa, những cặp mắt lẳng lẳng nhìn; những tiếng thì thảo nói nhỏ...

Chàng trẻ tuổi đi thật nhanh: đến cổng chàng khẽ lách mình vào trong sân. Đàn chó xoắn xuýt mừng. Chàng đến gần thang, nghiêng báng nước rửa vội hai bàn chân, đoạn trèo lên nhà.

Một đám toàn đàn ông ngồi xúm quanh bếp lửa, thấy chàng trẻ tuổi vào, vội ngoảnh lại nhìn. Tuy không ai hé răng mà tất cả đều dán mắt lên chờ đợi câu chàng nói.

– Nguy lắm! Giặc Mèo đã gần tràn đến đây rồi. Nó biết đây có người ở...

Ai nấy hoảng hốt nhìn nhau.

– Kia! Thế các ông không thấy gì khác à?... Vừa rồi, lúc về qua rừng Cấm, tôi gặp một thằng Mèo lảng vảng chùng lại đây nghe ngóng. Tôi tức mình cho nó một mũi tên rồi chém đầu vứt xuống vực...

Mọi người tái mặt.

– Bác Khán! Bác làm thế tức là khai chiến với giặc...

– Thì đã sao? Đẳng nào cũng chết mà!...

– Minh, ít người địch sao nổi; chi bằng chịu hàng...

Chàng trẻ tuổi nổi giận :

– Hàng à? Các ông tưởng hàng thì nó để cho sống hẳn?

– Chứ gì!... Mình chịu theo, ai còn nỡ giết.

Chàng trẻ tuổi cười nhạt :

– Các ông lắm! Rồi tôi sẽ nói rõ để các ông nghe.

Nói đoạn, chàng lại gần bếp, vớ cái điều cày nạp thuốc và châm lửa hút...

Đám đông im lặng.

Cái lặng lẽ nặng nề những kinh hoàng của sự chết...

Những việc vừa thuật trên đây, xảy ra đã lâu lắm, về hồi loạn giặc Mèo.

Bấy giờ đang triều vua Tự Đức. Về địa phận Hoàng Su Phì bỗng xuất hiện một nữ tướng Mèo, hiệu là Tiên Nhân.

Tiên Nhân tên tục là gì, không ai

biết. Gái một của một vị chúa Mèo, nàng sớm đã tỏ ra là một thiếu nữ có tính cách đàn ông. Nàng chỉ thích luyện tập nghề võ và chỉ ham mê săn bắn. Nhà săn nuôi hàng trăm ngựa tốt, nên nghề kỵ nàng cũng rất tài. Ngoài ra, Tiên Nhân còn biết nhiều phép thuật lạ do một người thầy Muồng dạy.

Đã sẵn cái tinh thần thượng võ và những tài nghệ siêu quần, lại sinh nhằm thời loạn, những kẻ tranh vương đồ bá nổi dậy như ong, nàng cũng có cái chí thanh gươm yên ngựa, vùng vẫy giang hồ, làm cho tỏ mặt cân quắc phi thường. Tuy nhiên, cái chí tang bồng ấy lâu nay mới là một cái mộng tưởng trợ hứng cho nàng những lúc săn thú dữ trên đầu núi, vùng gươm sắc dưới ánh trăng mà thôi...

Thời gian qua...

Nàng đã có chồng. Cái chí hướng năm xưa tưởng không bao giờ vãn vỡ trong óc nàng nữa thì, một ngày kia, nó lại có dịp bùng lên như lửa cháy...

Một ngày kia, trời bỗng nổi cơn dông. Rồi, tự đám mây đen buông xuống một làn hắc khí bao phủ cả đàn ngựa của chúa Mèo thả cỏ trên đầu non. Mây tan, gió lặng, chúa Mèo ra kiểm điểm số ngựa, không thấy thiếu chết con nào. Nhưng trong đàn, một con ngựa cái tự nhiên nằm phục vị xuống, ra dáng mệt mỏi vô cùng. Chúa Mèo sai dắt nó về tàu. Ngựa cái từ đấy thụ thai, mãn kỳ sinh được một con, sắc lông trắng bạch, điểm những khoanh tròn như nốt báo. Người ta đồn rằng ngựa cái bị rỗng phủ, mà ngựa con tức là long mã. Long mã lớn lên, dáng cách tuyệt đẹp, mà chạy thì hay lạ lùng. Phải cái tính nó rất ác, trừ phi một mình

nàng cười được. Sự ấy là ngẫu nhiên hay do một lẽ huyền bí gì khác thì không rõ; nhưng chính nó đã phục hồi cái mộng tưởng năm xưa trong trí người thiếu nữ.

Cách ít lâu, ông chúa Mèo chết. Nàng bèn đem ý định bàn với chồng. Anh chồng nhát vợ, không biểu đồng tình. Nàng nổi giận giết phăng, rồi tự mình đứng chiêu tập những kẻ ngang tàng, mạo hiểm, kéo cờ trắng làm loạn, tự xưng là Tiên Nhân. Nàng khéo gói những cái cử chỉ của mình vào trong một tấm màn huyền bí, khiến cho bọn dân Mèo mê tín ủa nhau theo như kiến cỏ.

Nàng bảo chúng rằng :

– Người Mèo ta, cổ lai chỉ ở núi cao. Ruộng đất ít, thóc lúa không đủ dùng, cuộc đời vì vậy gieo neo cực khổ lắm. Nay nếu các người chịu theo ta tràn xuống

những miền lâm lũng, giết hết dân Thổ, Mán, chiếm lấy ruộng nương, màu vật thì sau này lo gì thiếu ăn thiếu mặc nữa.

Quân chúng đồng thanh hoan hô và tình nguyện theo nàng. Họ hát bài quốc ca để chúc tụng Tiên Nhân. Bài ca ấy cổ lắm, ý nghĩa như sau này:

Cõi đất Mèo ai có biết là đâu?

Núi cao mấy đợt, sông sâu mấy dòng.

Trong rừng xanh ai đốt ngọn lửa thông,

Trên đầu non ai kèn hát vẫy vùng đua chơi.

Chuyện năm xưa còn nhớ chẳng ai?

Giống Mèo từ xứ Bắc qua ngoài Hồ Nam

Đường xa dù cách dặm ngàn.

Giống Mèo còn rộng bước, giang san còn nhiều.

Thoạt đầu, Tiên Nhân đánh phá các làng tiếp cận, dần dần tràn lan đi xa, đến nỗi suốt một vùng thượng lưu Thanh Giang đều hãm vào một cái cảnh máu loang lửa cháy. Những dân Thổ, Mán phần kh-iếp nhược, phần không có mối đồng tâm nên bị thảm sát rất nhiều. Tiên Nhân thì cực kỳ độc ác. Không những nàng làm cỏ những dân nào có ý kháng cự, mà cả đến những người chịu khuất phục, nàng cũng không tha. Trẻ con, nàng sai bổ suốt cây tre đực cặp gắp nướng sống. Đàn bà, con gái, nàng cho quân chúng hãm hiếp kỳ chết. Còn đàn ông, con trai, thì nàng truyền lệnh trói tuốt cả vào cột nhà, vợ vét xong là châm lửa đốt. Những thủ đoạn hung tàn ấy động đạt đến triều

đình, nhưng ngặt vì vua quan còn phải ứng phó với nhiều sự khó khăn khác nên đành vẫn phải làm ngơ. Tiên Nhân được thể càng làm già. Nàng kéo quân tràn xuống xuôi định đánh phá cả thành Tuyên, mở rộng thêm cõi đất. Con đường về tỉnh thể tất phải qua Bắc Nhụng. Vì lẽ ấy trên kia mới có dịp thuật qua tấn thảm kịch trong rừng...

Chàng trẻ tuổi hút xong điều thuốc, lần lượt đem những điều mình đã dò hỏi được kể lại cho mọi người nghe và nói cái lẽ nên liều chết kháng cự với giặc Mèo. Nhưng khốn thay! Bọn kia ngờ rằng vì chàng chủ chiến nên cố bày đặt những chuyện ghê gớm cho họ khiếp sợ phải theo chàng. Họ kiếm cớ thoái thác rồi đánh trống lảng cả, định bụng chỉ một hàng một trốn mà thôi.

Ngồi tro bên bếp lửa, chàng trẻ tuổi vừa tức giận vừa buồn rầu. Tức giận kẻ hèn nhát chỉ tính sự cầu an mà buồn rầu thay cho mình, một cây làm chẳng nên rừng. Ừ, đã đành chàng khẳng khái có thừa những hòn đất nhỏ cản sao được cả một dòng nước lũ. Nếu không có cơ mưu gì chắc chắn, chỉ bằng ở khí huyết trí dũng, châu chấu đá voi, thì chẳng những táng thân bại sự mà còn để cho miệng đời một tiếng mỉa mai. Nhưng mưu kế gì bây giờ? Tình thế khẩn cấp lắm rồi. Chỉ ngày mai là cái cảnh trù phú này sẽ biến thành một cõi chết tiêu điều!

Chàng trẻ tuổi bốn chôn, vùng dậy ra sân. Những ý nghĩ bề bộn, trái ngược lẫn nhau thúc giục; chàng như những tiếng trống trận. Chàng ngẩng đầu nhìn trăng sao, thở dài than rằng: “Đánh không được, hàng không xong, ta biết

làm cách nào bây giờ?... Hay là trốn? Vợ con thân thích không một người, ruộng nương thóc lúa chẳng có mấy, nếu ta khăn gói vất vai, trốn tránh đi xa thì dễ yên thân lắm. Nhưng, đối với con nghiệt phụ ấy, chẳng lẽ bọn đàn ông không ai dám nhìn mặt nó hay sao? Đi để cầu lấy cái sống của con chim lạc đàn, của một cái cây đứt rễ, chẳng thà ở mà tìm lấy cái chết xứng đáng với đời nam nhi!”

Chàng trẻ tuổi nghĩ vậy, tự lấy làm bằng lòng lắm. Chàng chỉ còn phải tìm cái cách chết thế nào cho không đến nỗi vô ích mà thôi...

Mặt trăng đã xế về tây. Sương móc đầy trời. Con vạc ăn đêm bỏ lưng ngang không một tiếng kêu lạnh lẽo...

Chàng trẻ tuổi vươn mình đứng dậy, thở dài như cất gánh nặng trên tâm hồn.

Chàng đã nghĩ ra một kế, nhoẻn miệng cười...

Chiều hôm sau...

Ngồi trên long mã, Tiên Nhân lỏng buông tay khấu, lần theo con đường hẻm chạy mất hút vào trong khu rừng cấm nọ.

Trạc tuổi độ hăm năm, hăm sáu, tầm vóc to lớn, cử chỉ đột ngột và nhanh nhẹn như một con hầu, Tiên Nhân thực chẳng có một mảy may cái dáng cách đàn bà. Dưới hơn ba chục nếp khăn ngũ sắc cuốn cao như cái chõ úp, mặt nàng dài đườn đưỡn, nét răn đanh. Cặp mắt vàng như mắt hùm, sáng quắc, lạnh lẽo và trắng trợn khiến cho ai nhìn cũng phải khiếp đảm. Trán dô ra như mảnh sọ dừa. Mũi khoằm khoằm. Miệng rộng, môi dưới trề, lộ hàm răng trắng nõn nhưng khắp khểnh. Hai tai vểnh ra, động đậy

luôn như tai con ác thú đang rình mò nghe ngóng. Tóc rẽ tre buông xuống hai bên má, cái màu đỏ quạch in lên khuôn mặt một nét thảm thê. Cổ to, cứng nhắc như khúc gỗ, đeo một cái kiềng bạc nặng. Mình mặc áo chên, mép chạy triện vàng, đỏ, trắng. Lung đeo kiếm. Chân bó kha cắt thêu. Hai tay phe phẩy đôi quạt phát bằng giấy đỏ, một bên đề chữ Thiên Lai, bên đề chữ Địa Lai. Miệng rì rầm niệm thần chú:

“Thín lỗi!... à... Tì lỗi!”

Trước mặt nàng là một lá cờ đại sắc trắng, sau lưng nàng, mấy tên kỵ mã theo hầu. Đại quân thì vẫn còn tận đằng xa. Tự khi mở cờ xuống núi, đi đến đâu như vào cõi không người Tiên Nhân vì vậy sinh lòng kiêu hợm. Những khi quân ruổi đường xa, nàng thường chỉ đem mấy bên hầu cận phi ngựa vượt lên

trước như thế, ung dung tự đắc, tưởng chừng trên con đường đắc thắng, từ đây không còn cái trở lực nào nữa...

“Thín lồi... à... tì lô... ôi”.

Quanh mình nàng, cảnh chiều thu hiện ra một cách rõ ràng.

Tiên Nhân nhìn vơ vẩn những dải núi xa in lên chân mây vàng rực, những cánh rừng xanh thẫm hoen ố màu thu, những đám ruộng hoang bát ngát. Ánh chiều in lên những chòm cây cao, những bãi cỏ áy cái sắc vàng rực rỡ. Thỉnh thoảng một đàn chim bay tung tóe ngang không, kêu ríu rít rồi xa xa chập vào ngọn cây trên đồi cao.

Trên khuôn mặt Tiên Nhân, vẻ cứng cỏi bớt dần, nhường chỗ cho một vẻ mơ màng... Nàng quay lại bảo bọn hầu :

– Kìa xem! Những cánh ruộng kia rồi về tay các người cả. Từ khi hạ san, Tiên Nhân đã cho các người biết bao sự hùng cường, thì từ nay về sau Tiên Nhân sẽ cho các người biết sự giàu có.

Chúng đồng thanh đáp :

– Tiên Nhân thực là người trời!

Tiên Nhân đắc ý cười khanh khách :

– Chiều nay đốt phá Bắc Nhụng; mai về khao quân ở thành Tuyên, cái giang sơn của người Việt Nam kia, ta sẽ cướp cho các người một nửa.

– Tiên Nhân vạn tuế!

– Hiện giờ, ta cao hứng muốn hát bài quốc ca. Vậy các người họa kèn theo nhé.

Bọn Mèo vâng lệnh, mỗi anh lấy một chiếc kèn lau đeo sẵn sau lưng, vi vo thổi.

Cối đất Mèo...

... Thốt nhiên có tiếng dây nổ bật giòn, mũi tên trúng ngay trước ngực nàng, Tiên Nhân kêu rú lên, ngã quay xuống đất. Đồng thời, một chàng trẻ tuổi tự trong rừng rậm nhảy ra thét lên rằng :

– Chém được đầu Tiên Nhân rồi, anh em đâu mau giết sạch lũ chó này đi!

Tiếng trống trận nổi ngay lên âm âm, tiếng reo vang trời dậy đất. Bọn Mèo mất vía, cắm cổ chạy như bay.

Mà chính chàng thiếu niên nọ cũng giật mình không hiểu. Nguyên khi bắn trúng tướng giặc rồi, chàng nhảy ra quát tháo mở vòng thế là cốt làm loạn quân thù chứ, ngoài chàng ra, có ai là người

dám làm cái việc không tiền tuyết hậu ấy đâu!...

Thì ra quan Đề đốc, được tin giặc Mèo về đánh tỉnh, vội vàng ngầm kéo quân đi đón đường. Vừa đến cạnh rừng rậm ấy, ngài chợt nghe có tiếng reo hò là đã chém được Tiên Nhân rồi, ngài vội thúc trống xua quân ra trợ lực...

Chàng trẻ tuổi mừng rỡ, vung dao chặt đầu nữ tướng giơ lên...

Thấy người táo bạo lạ thường, dám một mình đối đầu với cả toán giặc có tiếng hung tàn, đã từng làm cho ai nấy phải kinh hồn vỡ mật, quan Đề đốc lấy làm kinh ngạc, vội gọi chàng trẻ tuổi gạn hỏi nguyên do.

Chàng cứ thực trình bày.

Quan Đề đốc toát mồ hôi, nhìn chàng

trẻ tuổi từ đầu đến chân, tưởng chừng như đó là một vị thần núi anh linh nào hóa thân xuống giúp triều đình, chứ phàm nhân đâu lại có cái gan dạ phi thường ấy.

– Thầy thực là một bậc niên thiếu anh hùng. Thầy nên theo bản chúc mà lập công lớn với triều đình.

Chàng khiêm tốn tạ ơn và nói rằng :

– Tiểu dân xin cù lớn tận trừ loài thảo khấu, để cho bách tính được an hưởng phúc trạch của hoàng triều. Riêng phần tiểu dân, cái việc đáng làm đã làm xong rồi, xin cù lớn rộng cho được lui về nơi thảo dã, vui với dân làng là đủ.

Nói đoạn, chàng ném thủ cấp Tiên Nhân xuống trước ngựa quan Đề, vái chào rồi chỉ chớp mắt đã không thấy

đâu nữa...[Có một thuyết khác về Tiên Nhân. Xin xem Bóng cờ trắng trong sương mù.

Người hóa hổ

Người Mèo gồm có hai loại khác nhau: Mèo Trắng và Mèo Đen. Giống này không được sạch sẽ bằng giống trên. Họ có cái tục rất lạ và rất bẩn là cái tục nằm tro. Vì sinh trưởng trên ngọn núi cao, quanh năm giá rét, họ phải vào rừng ngả gỗ lim về đốt thành tro rải nằm cho ấm. Trên mỗi ổ tro có phủ một lần vỏ sui làm nệm nhưng, mỗi lần họ ở ổ ra, người nào người ấy mặt mũi vẫn lấm lem gớm chết.

Giống Mèo Đen lại thường có những chi họ cứ cách vài đời phải một người hóa hổ, tức như câu chuyện sau đây, tôi thuật đúng lời ông Hội Cảnh đã nói cho nghe. Chuyện cũng lạ, dễ gọi cho ta những nỗi kinh hoàng vợ vẫn, đối với cái đại bí mật của sơn lâm.

*

Về tổng Lan Can, trong một động Mèo Đen kia, có một nhà nghèo: một mẹ già, hai vợ chồng và một đứa con thơ mới độ mười bảy, mười tám tháng.

Bà mẹ tuổi đã già lắm; đầu lơ phơ mấy sợi tóc sương; răng móm sạch; quai hàm dưới đưa sát lên hàm trên, làm cho khổ mặt đã ngắn càng ngắn thêm. Hai má trũng, đỏ vừa hai chén nước. Da mặt

dẫn như mặt ruộng cày. Mắt hoắm vào, kèm nhèm, dấp dính. Cặp môi mím chặt lại, kéo dài ra thành một nét ngậm ngùi, đau khổ. Chân tay khẳng khiu; lưng còng; dáng đi lẩy bẩy tự hồ không còn đủ sức mang cái gánh nặng của năm tháng chồng chất lên mình.

Con trai bà lão độ ba mươi, hình thù cũng xấu xí như mẹ. Anh ta cử động chậm chạp, ít nói, vẻ mặt lúc nào cũng lạnh lùng. Ăn mặc bẩn thỉu, áo quần hàng nửa tháng anh ta chưa buồn thay. Hai hàm răng anh cáu bẩn, môi anh ướm nhợt nhợt, lúc nào cũng ngậm cái điều can bằng đất. Vợ anh ta thì thấp bé xùn xoăn, nét mặt choắt vì cái khăn quấn hàng chục vòng quanh mái tóc. Mắt nhỏ tí, sáng lấp lánh như mắt dơi. Quanh năm, chị ta mặc cái áo xanh dài quá gối, ngoài khoác cái áo bông ngắn cụt tay. Hai

cổ chân tù hãm trong đôi kha cắt trắng, bàn chân to như lưỡi cày, xù xì da cóc. Chị ta cũng như chồng, lẩm lẩm ít nói. Có chăng những lúc đùa giỡn cùng con, chị mới nhoẻn miệng cười.

Cái không khí trong gia đình ấy lạnh lùng, u ám quá! Tuy cùng chung một máu mủ, cùng sống dưới một nóc nhà, vậy mà mẹ, con, chồng, vợ, bà, cháu đối với nhau ngỡ như những người xa lạ, tình cờ gặp nhau trong một quán trọ bên đường. Ngoài những lúc làm lụng và hai bữa ăn, ai ngồi đâu ngồi đấy, hàng trống canh không nói một lời. Cái phần đời tình cảm hình như bị họ vùi sâu xuống đáy lòng. Mà, phỏng thử, trong gia đình ấy chẳng may có người nào bị tai nạn, bị ốm đau mà chết, những giọt lệ thương của những người kia có khi chảy vào trong. Tuy vậy, chắc hẳn họ cũng tin ở

nhau về mối tình thân yêu ngấm ngấm ấy, chứ nếu không thì cuộc đời họ điều hiu, tăm tối, cuộc đời chìm đắm giữa mây mù kia chẳng thể nào có được.

*

Một buổi sáng, khi sắp cùng nhau đi làm cỏ nương, vợ hỏi chồng :

– Bà lại lên cơn nhiều thế, có nên để con ở nhà không?

Chồng, nghĩ ngợi một lát, đáp :

– Được, cứ để con ở nhà cho bà giữ. Trời nắng, đem nó theo không tiện; vả, nếu nó quấy thì ta còn làm lụng gì được.

Thế là nước bầu, cơm gói, hai vợ chồng thắt dao lên nương, để con ở nhà cho mẹ giữ.

Bấy giờ vào tiết tháng Ba, lúa ngô đã đủ lá; nếu không làm cỏ ngay e không được ăn. Nương thì xa mãi phía sau núi, phải vượt qua những khúc đường trâu chạy len lỏi trong rừng...

Dân Mèo là một dân phá núi rất dữ. Họ đến ở đâu, việc trước nhất của họ là hã ngã đổ một cánh rừng xuống, phơi khô mấy nắng rồi châm lửa đốt cháy để lấy đất trồng mầu. Trên những bãi tro ấy, trong khoảng cây đã cháy đen, chẳng bao lâu đã hiện ra những nương ngô, lúa, nha phiến, đay, gai... Đến mùa sau, nếu những tro than đã bị mưa lũ sạch, còn tro đất sỏi, thì họ lại phá lần sang những cánh rừng bên cạnh, hoặc dọn nhà đi nơi khác, sống một đời phiêu lưu...

Trên con đường hẻm, hai vợ chồng nhà nọ lẳng lặng cùng đi... Lẳng lặng đi, vì cả hai đều mải nghĩ. Vợ tỏ ra vẻ băn khoăn: nhà nghèo, nếu không làm thì đói. Mà, đi làm xa, giao con thơ cho mẹ già ốm yếu, chị chàng chẳng đành lòng. Tuy vậy, sự lo ngại của người vợ chưa thấm vào đâu, nếu đem so sánh với những ý gớm ghê nó đang xô xát trong trí người chồng. Thực vậy, cái bệnh mà mẹ anh ta phải đã năm sáu hôm nay, anh để ý xem thấy nó rất khác thường. Cứ như lời mẹ anh đã nói nhỏ cùng anh thì, sau mỗi cơn sốt, suốt mình bà đau nhức không sao chịu được. Những chỗ kín, tự nhiên mọc lên rất nhiều lông lá và ở cùng xương sống, nhò ra một mẩu thịt mỗi ngày một dài thêm. Những ngón chân, ngón tay dần dần co quắp lại, móng dài ra và nhọn hoắt. Ghê hơn nữa là, chiều bữa qua, mẹ anh lên một cơn điên dữ dội,

nó làm cho mắt bà sáng quắc, mồm sùi bọt; bà hung hăng gào thét, xé áo xé quần chán rồi nằm vật ra sàn, giẫy đành đạch. Cứ những triệu chứng ấy, đích là mẹ anh sắp hóa hổ. Ba đòi về trước, trong họ bà già cũng có người hóa hổ, trốn vào rừng. Anh ta buồn rầu lắm, vừa đi vừa nghĩ vợ nghĩ vẩn...

Trời ơi, cuộc đời con người ta sống giữa thiên nhiên sao mà gieo neo, đôn độc, luôn luôn bị những bệnh não, những lo sợ nó giày vò.

Anh ta hốt hoảng nhìn quanh: cảnh vật như biến đổi hẳn. Cả những cái rất thường cũng khiến anh đem lòng ngờ sợ. Nắng to làm khô cạn cả ngòi lạch, vàng úa cả hoa mầu; mưa lớn tràn ngập cả đồng áng, lở sạt cả núi non; bão táp vụn đổ cả cây cối, xiêu vẹo cả nhà cửa; sấm, chớp làm ù tai, hoa mắt, chết

người, cháy rừng, hết thảy đều được anh coi như những vật có linh hồn, có cảm giác, rất huyền bí, rất hung tàn, đáng cho loài người phải kinh khiếp. Ngoài ra, thì nào hùm gấu, sài lang, rắn rết, đĩa vắt là những kẻ thù hằng ngày người ta phải đối địch để giữ lấy sinh mệnh của mình. Sau cùng đến cỏ rả, lau sậy thường lẩn hiếp hoa mầu, luôn luôn định phá hoại những công cuộc bổ hôi nước mắt của người ta. Cả đến những cây to trong rừng, mỗi khi bị chém gần đổ, cũng biết rên rỉ lên để nguyên rửa kẻ vác rìu dẫn gốc. Thành thử quanh mình anh ta chỉ thấy rặt những mặt thù! Mà, phỏng thử một ngày kia, loài người bị mất tích trên địa cầu, thì “bọn cừu địch” nọ chắc sẽ vui mừng xiết kể.

Những ý nghĩ ghê gớm ấy, tuy vậy, chỉ lướt qua khối óc anh chàng, như một

trận cuồng phong. Hết cơn thì trời lại quang, gió lại tạnh, cảnh vật lại bình tĩnh, êm đềm. Những dân tộc còn dã man có lẽ họ sướng hơn mình về chỗ không lo nghĩ ấy. Suốt đời, họ chỉ là những trẻ thơ.

Vào đến nương, anh Mèo Đen ngẩng đầu thấy bầu trời trong vắt, ánh nắng tươi cười, cúi xuống dưới chân thì ruộng đồng bát ngát, làng mạc lèo tèo, anh ta lấy làm vui sướng lắm, tâm hồn như mở rộng ra đón tiếp những cảm giác êm đềm, kỳ lạ! Cuộc đời phong tỏa trong mây ít được những ngày tốt đẹp như thế. Anh ta hát vang lên, hát những bài ca cổ lỗ tả cái thời đại hoàng kim của nhân loại. Về thời ấy, cỏ xấu không hề dám chen chân với ngô, thóc; lá ngô, lá đậu còn dùng làm thứ ăn được, và khi màu vật chín tự khắc bay về nhà. Sau, chỉ vì một người đàn bà hủ, đến ngày ngô thóc về, không chịu

quét dọn sẵn bồ bịch, đến nỗi chúng lại phải trở ra đồng. Từ cái ngày ấy, người ta bắt đầu phải cực khổ, cuộc sống bắt đầu hóa gian nan, gay gắt, vì cỏ xấu lẫn mầu, lá ngô, lá đậu chỉ dùng để trâu, bò nhá và khi mầu vật chín người ta phải cất công gặt hái, đãi tải về.

Anh Mèo vừa làm vừa hát vang cả núi non; anh tiếc không có sẵn chiếc kèn lau để thổi một vài bài cho thích chí. Chị vợ, không cùng hát theo chồng, nhưng thỉnh thoảng lại mỉm cười, tỏ ý cùng chia sự khoái lạc.

Buổi trưa, hai vợ chồng nghỉ ngơi cơm nước một lát rồi lại làm cho đến lúc mặt trời xế bóng mới cùng nhau trở về. Qua cánh rừng ngậm bóng hai người về tới nhà thì ngày đã gần tàn.

Trái với mọi khi, trên nhà vắng ngắt. Bà già, con trẻ chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Giật mình, hai vợ chồng lại sức nhớ đến nỗi lo ngại sáng ngày, vội cùng nhau trèo lên thang thì... một cảnh tượng hiện ra trước mắt, khiến cho hai người cùng kêu lên một tiếng xót xa, kinh hoàng... Bà già không thấy đâu nữa và, giữa sàn, xác đứa con thơ bị cắn xé tan nát, nằm trơ trên vũng máu đào!... Người mẹ khốn nạn kêu rú lên một tiếng, ngã quay ra bất tỉnh. Run như dế, sắc mặt tái nhợt, người chồng cố nâng vợ dậy, lay gọi hồi lâu chị ta mới tỉnh dần lại...

– Ô lối!... Con tôi!...

Chồng thở dài một tiếng rồi ngồi ì ra; hai mắt giương thao láo; vẻ mặt nguội như tro tàn...

✱

Sớm hôm sau, có người gọi to ở dưới cổng :

– Bố Slèng có nhà không?

– Ai hỏi gì?

– Có đi tìm bà cụ về không! Tối qua đến nhà tôi bắt mấy con gà!...

– À, ông Khán, vào đây đã!

Khách rửa chân lên nhà, nhìn cái cảnh tượng thảm thê nọ, cũng đem lòng ái ngại :

– Thôi, bà cụ đã phải cái nghiệp như thế thì nên tìm cách bắt về nhốt lại. Nếu cứ để bà cụ lang thang bắt gà, bắt vịt của người ta, e họ chửi rửa và bắn chết đấy.

Chủ nhà nhìn khách, hai dòng nước

mắt tràn ướt hai gò má xanh xao. Tấm lòng thương con đau đớn, túi cực bao nhiêu thì thương xót mẹ già bấy nhiêu. Phải, tuy con anh bị chết thảm hại vì tay mẹ anh, song anh ta không hề oán trách vì anh biết rằng lúc bà ăn thịt cháu, chính là lúc bà đã mất hẳn tính người. Anh ta rất thẹn thùng với người hàng động, tưởng chừng không dám nhìn mặt ai nữa. Nhưng nay, nghe người khách nói, anh biết rằng cần phải nhờ hàng động giúp anh bắt bà cụ về. Để mẹ lang thang như thế, có khi đến chết bờ, chết bụi đâu mất, chỉ thêm sự đàm tiếu cho thiên hạ mà thôi. Đành rằng đem mẹ về rồi, ngày hai bữa, anh chịu khó vào rừng săn bắn kiếm thịt nuôi mẹ vậy. Người bệnh chắc chẳng sống được bao lâu, thì sự bắt buộc nọ hẳn cũng mau tránh được.

Nghĩ vậy, anh bảo người khách rằng:

– Ông nói phải lắm! Tôi cần bắt bà cháu về. Vậy, ông làm ơn nói giùm với anh em lại đây giúp tôi làm một cái cũi để nhốt bà cháu, chờ lúc nào bà cháu chết sẽ chôn cất cho, phải không?

– Được, thế bác làm sẵn cơm rượu để bà con ăn, tôi đi một lát sẽ đem người lại giúp.

*

Ăn uống xong, mọi người tản vào rừng chặt gỗ đem về, rồi bổ lỗ, đẽo nín, chích chát, ồ ạt chừng vài tiếng đồng hồ đã dựng xong cái cũi lớn vững vàng. Chủ nhà pha nước mời, bà con nghỉ ngơi một lát đoạn kéo nhau về, dặn nếu còn cần đến họ việc gì, chỉ gọi một tiếng là sẽ có người lại giúp.

Vẫn vợ trong rừng rậm, anh Mèo một mình đi tìm mẹ. Anh đi đã lâu, chân đã mỏi, bụng đã đói, mà tuyệt nhiên không thấy dấu vết bà cụ đâu cả. Anh rất buồn, càng nhìn cái cảnh hoang vu, tịch mịch quanh mình, càng đau lòng thương mẹ. Trời ơi! Tuổi già gần kề miệng lỗ, nếu mẹ chết ngay đi lại được mát mẻ tắm thân và cũng đỡ cho lòng anh phải đau thẹn biết chừng nào! Rồi anh tự giận mình không biết lo xa, để đến nỗi con anh phải chết thảm chết hại, mẹ anh phải lẫn lút trong rừng. Chỉ vì anh vụng tính nên ngoài cái khổ mất mẹ, vợ chồng anh còn phải đeo thêm cái khổ mất con. Chỉ vì anh mà tấm lòng thương xót của vợ anh đối với mẹ chồng thành ra bị giảm mất một phần to vì sự oán thù, ghê tởm!...

Anh ôm mặt khóc thút thít hồi lâu,

thế rằng không tìm thấy mẹ thì quyết không bao giờ trở về.

Lúc quá trưa, anh Mèo lần lần đến một cái hang đá, xa nom thấp thoáng bóng người. Anh vội rẽ lau chạy đến. Quả nhiên thấy mẹ anh ngồi chơ vơ ở cửa hang với một nắm lông gà. Bà cụ bấy giờ đã mất hết áo xống. Toàn thân lông lá mọc đầy, sắc đỏ như lông bò non. Người nom gầy trơ xương, hai cái vú cạn sữa buông thông xuống như hai cái bị bẹp, mồm miệng máu me loe loét, hai mắt hốt hoảng như đã mất hết trí khôn. Anh Mèo phục xuống trước mặt mẹ khóc như mưa. Nhìn thấy tình trạng ấy, trong trí khôn hấp hối của bà già hình như còn lờ ra được một tia sáng hiểu biết, bà cũng ứa nước mắt trông con.

– Mẹ à! Về đi. Về với con nè! Ở đây chết mất thôi!...

Bà già gật đầu, đứng dậy theo con. Đến nơi nhìn thấy cái cũi, bà hốt hoảng giật lùi định chạy. Anh Mèo chấp tay van, bà già cúi đầu ngẫm nghĩ, sau bỗng gào khóc lên mấy tiếng, nhảy xổ vào trong cũi, cánh cửa sập xuống rầm một tiếng thê thảm...

Anh Mèo từ đấy ngày ngày vác nỏ vào rừng kiếm thịt nuôi mẹ vì cơm cháo bà già không chịu đựng hột nào nữa. Dần dần, bà ta mỗi ngày một dữ tợn quá. Nhất là những lúc lên cơn, bà gào thét lồng lộn hệt như một con hùm. Anh Mèo, nghĩ để mẹ sống như thế chỉ thêm khổ nhục, bèn lấy thuốc độc trộn vào thịt cho mẹ ăn. Cái chết ấy kể ra khí tàn nhẫn, nhưng sớm đã kết liễu được bao nỗi đau lòng!...

Tiền mất lực

Trời vừa rạng đông.

Lô Hli, một mình trên con đường núi vắng ngắt, vội vàng đi cho kịp buổi chợ mai...

Ánh sáng lộng lẫy soi xuống một cảnh tượng thần tiên. Quanh mình nàng, rừng cây man mác, chỗ nấp trong bóng tối mát dịu màu xanh, chỗ phơi ra ánh nắng rực rỡ vàng hoe. Trên nền trời

phơn phớt hồng, những chỏm núi xa in những nét thiên thanh dịu. Giọt sương mai long lanh trên ngọn cỏ như nghìn vạn hạt pha lê. Ẩn hình trong bụi rậm, con hoàng anh chào đón Chiêu Dương...

Lô Hli mãi miết đi nhanh, con dao ba nằm gọn trong chiếc vỏ tre thắt ở dây lưng, theo dịp chân, rung xóc xách...

Lô Hli còn trẻ và đẹp lắm, cái đẹp kín đáo của bông hoa rừng. Hai mắt thơ ngây nhìn như chép lấy bài thơ bằng hình sắc phô bày ra ở quanh mình. Cả tâm hồn nàng thổn thức, rung động lên thành một khúc sơn ca, họa theo tiếng oanh vàng réo rắt:

Ta yêu cảnh non cao rừng rậm,

Những chòm cây xanh tốt, những vách đá chênh vênh.

Ta yêu tiếng suối xa thánh thót năm canh,

Tiếng chim mừng hoa sớm, vườn hót trắng thanh,

Ta yêu sắc hoa mạn trắng tinh, sắc hoa đào phơn phớt,

Những ruộng lúa mông mênh, những nương ngô bát ngát,

Những trâu bò, dê lợn thả đầy ngàn.

Ta yêu những khúc kèn, điệu hát nồng nàn,

Đêm mùa rét, ngồi nhàn quanh bếp lửa.

Thốt nhiên, Lô Hli đứng sững lại, sắc mặt tái xanh...

Bên lề đường, một con báo nhơ nhỡ

đang nép mình dim mắt, ngoe nguẩy đuôi chờ...

Qua cái phút sững sốt lúc đầu, Lô Hli lại trấn tĩnh như thường: gái sơn lâm chẳng như những hạng yếu bóng vía, trối gà không nổi. Nàng rút phăng dao lưng, quả quyết chờ...

Thấy bên địch tỏ ý bất trắc, con báo há miệng nhe nanh, đập đuôi nhảy vọt đến giữa chỗ cô sơn nữ đứng. Lô Hli né mình sang một bên, thuận tay chém mạnh xuống đầu con ác thú, chẳng ngờ lưỡi dao tuột tay văng đi...

Nhanh như chớp, Lô Hli ném theo cả cái chuôi gỗ, nhảy cuời ngay lên cổ con báo, hai tay nắm chặt lấy hai tai, cúi mồm nó xuống mặt đường. Con báo gầm thét dữ dội, quật đuôi lên lưng Lô Hli đen đét, cố sức hắt nàng rơi xuống. Lô

Hli cũng không vừa, nàng nghiêng rặng, lấy hết sức đè chúi con báo xuống, nó lên nàng cũng lên, nó lùi nàng cũng lùi, đem hết tấm lòng thiết tha sự sống của mười bảy cái xuân xanh cự lại với thần chết.

Con báo tức lắm, gặm xuống mặt đường đến nổi rách cả mép, máu chảy đầm đìa. Nhưng, sức khỏe của nó hình như mỗi lúc một tăng gấp lên, còn Lô Hli thì dần dần mệt mỏi. Bỏ hơi lã chã; hơi thở hồng hộc, mắt đã hoa, đầu đã váng. Lô Hli vẫn căng thẳng hai tay, cứng chắc hai chân, cố bám ghì lấy sự sống...

Một phút, hai phút... ba, bốn phút... Lô Hli nhìn quanh, cả tạo vật đều hững hờ!... Nàng tuyệt vọng.

Con báo vẫn gặm gào, sục sạo, nép mình xuống sát đất rồi thốt nhiên nhảy vọt lên. Lô Hli suýt bị hất ngã... Nàng

đuổi sức lắm rồi. Cũng đành cam chịu chết. Nhưng hai mắt nàng bỗng sáng quắc lên, mặt lộ vẻ mừng, Lô Hli thu hết hơi tàn hú to một tiếng cấp cứu. Tiếng kêu mới thê thảm làm sao!

Đằng xa, dưới lòng thung, một chàng trẻ tuổi vác cày, dắt trâu ra ruộng. Nghe tiếng hú, chàng ngẩng lên nhìn, rồi vội vàng đặt cày, buông trâu, chạy miết lên đường.

Thấy có cứu viện, Lô Hli bội phần hăng hái, thì con báo cũng hết sức vẫy vùng.

Chàng trẻ tuổi nhảy xổ lại, hoa đao bắm vào mặt con báo đến vài mươi nhát cực mạnh. Nó gào lên một tiếng vang động núi non, quật bằng Lô Hli xuống đất, chồm lại đánh người con trai nọ. Nhưng, chỉ gắng sức được có thế, nó ngã

vượt ra cạnh đường, hộc máu rất nhiều rồi chết.

Lô Hli cũng đã nằm lăn trên đám cỏ, không biết gì nữa.

– Trời ơi, Lô Hli đây mà!

Nói đoạn, chàng trẻ tuổi quỳ xuống, hết sức lay gọi.

Dần dần, nàng hồi tỉnh, mở mắt nhìn người đã cứu mình :

– Tsi Tô Đay!

– Vâng, tôi đây mà! Lô Hli hết sợ chưa?

– Cảm ơn Tsi Tô Đay đã cứu tôi!

– À, Lô Hli tỉnh rồi! Tôi đưa Lô Hli về nhà nhé?

Nàng gật đầu.

Chàng thanh niên lập tức bế xốc Lô Hli lên tay, bước rảo về động...

*

Hai tháng sau.

Cũng một buổi sáng lộng lẫy.

Bên sườn đồi hẻo lánh, Tsi Tô Đay, ngồi trên đồng thân cây vừa ngã, đang ngắm nghía những bắp tay sắt của mình. Chàng mỉm cười vớ cái rìu gác cạnh đấy vung múa một hồi như chớp nhoáng.

Chàng đắc chí. Ngót ba chục gốc cây bị chém ngã rồi mà cái rìu vẫn nhẹ như chiếc lông chim.

Trên cành cây, con họa mi cất tiếng hót vang.

Tsi Tô Đay lắng tai nghe, mắt nhìn vắn vớ những màu hoa sắc lá thắm tươi.

Bông hoa phô nhị giữa rừng,

Thấy hoa mà chẳng thấy đường tìm hoa,

Một bầu xuân khí bao la,

Bụi trần vắng ngắt đây là cõi tiên...

Một tiếng hát tự bên kia sườn núi đưa lại, lạnh lạnh như tiếng chuông vàng...

Tsi Tô Đay đứng phắt dậy. Chàng ngừng hơi thở, lắng tai nghe. Quanh mình im lặng cả, chỉ nghe tiếng trái tim đập thành thạch.

Bụi trần vắng ngắt đây là cõi tiên...

Có lẽ nàng tiên nào hiện ra thực chẳng? Ừ, nàng tiên? Ngày nay không ai

nói gặp tiên, nhưng ông nội chàng khi xưa chẳng thường vẫn quả quyết thấy tiên đó ru!

Thấy hoa mà chẳng thấy đường tìm hoa...

Tiếng hát gần mãi lại...

Tsi Tô Đay giật mình. Chàng nghe rõ ràng tiếng Lô Hli. Phải, chỉ Lô Hli mới có cái giọng êm đềm ấy.

Lô Hli! Từ hôm cứu nàng thoát khỏi nạn, Tsi Tô Đay không lúc nào quên được người thiếu nữ mỹ miều ấy. Cái hình ảnh Lô Hli thường thường hiện rõ trong tưởng tượng chàng như một cánh hoa nở giữa cỏi điêu hiu. Mà, lần ấy là lần thứ nhất, trái tim chàng thổn thức về tình. Nhưng than ôi! Cái tình yêu ấy, ngay từ lúc đầu, đã bao hàm một điều thất vọng;

những cái mơ mộng nên thơ của chàng trẻ tuổi nọ chẳng lần nào dám kết thành một điều mong ước.

Lô Hli là một người con gái đẹp, dòng dõi nhà đàn anh, lại giàu có. Còn Tsi Tô Đay? Chàng chỉ là một kẻ cùng đinh nghèo kiết! Chàng là một người biết an phận, hiểu lẽ phải. Nhưng, tấm lòng người ta còn có những lẽ phải, chính lẽ phải không thể sao hiểu được. Vì vậy linh hôn chàng trẻ tuổi tối tăm kia vẫn phải âm thầm đau khổ.

Một cái bóng hiện ra... Một cái bóng thướt tha giữa muôn hồng nghìn tía...

Phải, chính Lô Hli rồi!

Trái tim Tô Đay đập như gần vỡ tung ra.

Lô Hli đứng trên đỉnh đồi, che một

tay lên trên mắt nhìn chàng hồi lâu, bỗng gọi :

– Tsi Tô Đay!

– Lô Hli à?

Nàng hớn hờ chạy lại gần, nắm lấy tay chàng một cách thân ái :

– Ô! Tsi Tô Đay! Anh làm gì ở đây? Sao từ bữa ấy, không thấy anh lại chơi?

Giọng nói trách móc mà yêu đương.

– Em chờ mãi... mong ngóng mãi... em tìm kiếm anh mãi, chẳng gặp lần nào! Anh cho lòng em mang một cái ớn nặng rồi chẳng để em được nói một lời nào!

– Lô Hli tìm tôi à?... Tôi cũng... mong Lô Hli lắm!...

Nàng tươi cười nói :

– Hôm nay chẳng ngờ được gặp nhau!...

– Mà gặp nhau giữa cảnh đẹp này! Lô Hli thực hết như một nàng tiên. Tiếng Lô Hli hát, con họa mi nghe phải thẹn!

Trên cành cây, con họa mi quả nhiên lặng tiếng.

– Tô Đay! Anh chỉ nói...

– Thực đấy! Lô Hli à!

Lô Hli sắc mặt hồng hồng, lảng sang chuyện khác :

– Một mình anh ngả những ngán này cây à?

Nói đoạn nàng nhìn lên hai cánh tay và bộ ngực Tô Đay :

– Anh khỏe quá!

– Lô Hli đẹp quá!

Hai người nhìn nhau cười nụ.

– Lô Hli à, nếu tôi biết làm «phong thư [Trai gái làm bài hát tặng nhau gọi là làm «phong thư»]» tôi sẽ làm một bài nói về Lô Hli, một bài chép đầy tờ giấy lệnh, một bài hay lắm kia... Mà nếu lúc này tôi sẵn cái kèn lau, tôi thổi ngay một khúc cho Lô Hli nghe...

– Những lời Tô Đay nói, há chẳng là một «phong thư» hay, một khúc kèn êm ái? Anh nói nữa đi. Em không có sự vui vẻ nào bằng được nghe giọng nói của Tô Đay!

– Bôn Đin ọ! Lô Hli thực có lòng...

– ... yêu anh lắm!

Nàng nói đoạn, rút chiếc khăn thêu

bịt tóc đưa cho Tô Đay :

– Anh nhận lấy cái này...

Cặp mắt Tô Đay lóng lánh.

– Lô Hli à!... Nghĩ cho kỹ đã nè!... Tôi nghèo... nghèo lắm!

– Phấy! Tô Đay đừng nói thế!...

Tô Đay nhìn nàng một cách biết ơn.

– Thôi anh làm nhé, em về, em đem thuốc về cho phá em dùng.

– Ông Chánh mệt à?

– Phá em bị sốt... qua loa thôi...

*

Ông Chánh mất; và việc tang ma vừa xong thì trời đổ trận mưa to. Lô Hli và người dì ghẻ nàng ra sân tắm, đoạn cất

bỏ hết đồ tang, vì theo tục lệ, hễ người chết đã táng rồi mà trời mưa là thân quyến hết trở.

Mấy hôm sau, cũng trong nhà ấy, có đám vui rất lớn: Lô Hli lấy chồng?

Lấy ai?

Lấy Tsi Nèng, con trai ông Khán Động, một chàng trẻ tuổi đã có đủ tiền làm ma cho ông Chánh theo như cổ lệ. Xem vậy đủ biết Tô Đay chàng phải là chàng rể sung sướng trong cái đám cưới to ấy. Mà, dù chỗ thâm sơn cùng cốc, kim tiền cũng vẫn chiếm được phần hơn.

Trên nhà gái hai họ ăn uống linh đình, cỗ bày lên hai dãy bàn gỗ thấp trải lá chuối tươi và gồm có mấy món: thịt lợn luộc, thịt gà luộc, muối, ớt, canh gà nấu bí, cháo ngô và rượu ngô. Trông thì

không ngon lành lắm, nhưng bà con đường rừng có cái quai hàm sắt, cái dạ dày chun, có thể lấy cái lượng bù cái phẩm được. Họ ăn uống ô ạt, liên miên suốt ngày. Rượu say, họ đốt pháo hoặc bắn súng làm vui.

Xong bữa rượu chiều, chú rể vào làm lễ bàn thờ nhà gái và nghe ông thầy cúng đọc những điều khuyên răn về đạo làm chồng, làm dâu trong hàng động. Hai họ, mỗi người mừng cô dâu chú rể ít nhiều tiền bạc, gói trong những mẩu giấy hồng. Trước mặt mọi người, ông thầy cúng giở những nữ trang của cô dâu ra đếm. Nào áo xiêm thêu sắc sỡ, khăn bịt đầu đính hoa bạc, thắt lưng ngũ sắc, kha cật, vòng cổ, vòng tay, xà tích, nự tai v.v... Ai nấy chuyển nhau sờ, nắn, mở ra, gấp vào, ngắm nghía, khen ngợi cái tài khâu vá của cô dâu và mừng cho chú rể đã khéo

kén được người bạn trăm năm tài sắc vẹn toàn.

Trong lúc ấy thì cô dâu ngồi khóc ở xó buồng. Trái với mọi cô thiếu nữ khác, Lô Hli khóc thực, khóc cái tình của Tsi Tô Day, khóc vì thấy đồng tiền đã đắc thắng một cách hỗn hào, khóc vì sự sẽ phải ăn chung ở lộn với kẻ mình không yêu mến. Chị em xúm lại khuyên giải, an ủi hết điều. Đáp lại những lời bạn gái, Lô Hli cất tiếng hát bài «Than vãn của cô dâu» nghe rất thảm thiết:

Thoạt khi mới bắt đầu ra khỏi tổ,

Chim non kia lòng lo sợ biết bao!

Run cánh chuyển từ cành thấp đến cành cao,

Thêm nhớ mẹ, kêu gào thảm thiết!...

*

Gà con quá trốn đi xa,

Bị chim cắt cướp tha vào núi,

Chim cắt nọ hung tàn xiết nói,

Để mẹ già chua xót nỗi thương con...

*

Ngựa non, dê thâu suốt ngày nô giỡn,

Trên bãi cỏ xanh mơn mớn,

Nhưng một ngày kia, chúng hồ khôn lớn,

Tham đồng tiền người ta vội bán

Cho bọn lái buôn xua đuổi chúng đi xa.

Khiến cho chúng lìa mẹ, lìa cha,

Là đồng cỏ bao la, là núi cao chót vót.

*

Quá tin con chim mỗi ngon ngọt
Sẻ rưng kia chui tọt vào lòng,
Mắc lưới rồi, lòng những hãi hùng
Nhìn đồng bạn vẫy vùng ngoài nội
cỏ...

*

Số phận kẻ làm dâu như thế đó,
Chim vào lồng biết thưở nào ra?...
Ngày mai, khi các chị lại nhà,
Tôi có nhớ cũng chỉ nhìn qua khe
vách nữa.

Ôi! Lại còn nỗi mẹ già tôi nữa,

Từ đây, ai nhóm lửa, thổi cơm, canh!
Ai chăn nuôi gà, lợn, ngỗng, ngan,
Ai xuống khe vác nước, ai lên ngàn
hái củi,
Ai tước gai dệt vải,
May áo xiêm, thay đổi, mẹ tôi dùng!...

Hát thì hát, khóc than mặc khóc than, cái ý muốn của một cô con gái không thể đổi đầu với tục lệ nghìn đời. Ngoài sân, chiêm đồng gióng inh ỏi, súng nổ đi ù ù, những kèn lau của bọn phù rể bắt đầu cử bài xuất hành. Lô Hli gạt nước mắt bước ra, bước từ chỗ tự do vào nơi áp chế.

Khi qua ngọn đồi, chỗ nàg gặp Tô
Đay trước. Lô Hli lòng như dao cắt, gạt
lệ nhìn quanh thì hoa cỏ vẫn tươi cười

mà sự gặp gỡ vừa hôm nào đã thành một giấc mộng...

*

Trong dinh châu Bắc Quang.

Ngồi trước bàn giấy, thầy lục sự hỏi cung :

– Thế nào, vợ anh nó theo trai à?

Tsi Nèng khúm núm :

– Bẩm thầy, vâng ạ. Theo tục lệ dân con, khi cha mẹ người con gái mất, nếu trai hàng động, ai có tiền đứng ra lo liệu việc ma chay thì người con gái kia tức là vợ mình. Con làm ma cho bố đẻ Lô Hli, con lại có lễ cưới xin nó tử tế. Nhưng, mới về với con được chừng nửa tháng, nó đã trốn nhà để theo Tô Đay.

– Tô Đay là ai?

– Là một tên dân trong động, nghèo kiết khốn nạn, nhưng vì đã cứu được Lô Hli khỏi nạn báo tha.

– À, câu chuyện đánh báo cách đây mấy tháng trước phải không?

– Bẩm phải... Rồi từ đấy chúng nó phải lòng phải bế nhau, bây giờ Tô Đay lại dám quyến rũ vợ con vào ở với hắn trong rừng.

– Anh có chắc chúng nó ở với nhau không?

– Chắc lắm ạ. Vì con theo dấu chân đi tìm thì thấy hai đứa làm chòi trên cây ở với nhau.

– Vậy thì được. Ta sẽ bẩm quan cho lính đi bắt chúng nó về đây.

– Dạ, trăm sự nhờ thầy...

Vừa nói, y vừa móc túi lấy mấy đồng bạc khúm núm đưa lên.

– Cái gì đấy?... Ai thèm ăn lễ của anh?...

– Lạy thầy, làm ơn...

Thầy lục sự trông trước trông sau, thủ tiền bỏ túi rồi đồng dục nói :

– Ủ, thôi được. Hãy cho ra ngoài.

*

Giữa rừng.

Trên một cây to, cành lá rườm rà, có túp chồi lá mới dựng, treo lơ lửng như cái tổ chim. Lô Hli lúc ấy đang thối cơm trên chồi, chờ Tô Đay vác nước về thì ăn bữa sáng.

Bỗng Lô Hli giật mình lắng tai nghe. Tô Đay trong bụi rậm chạy ra, có dáng hốt hoảng.

– Cái gì thế?

– Nó đem lính vào bắt ta.

– Ai? Tsi Nèng à?

– Ủ.

– Hừ!

– Nhưng bây giờ Lô Hli tính sao?

– Ủ, tính sao? Nàng lặng yên nghĩ ngợi.

– Tsi Nèng nhất định rẽ duyên ta... Nó có nhiều tiền... ai chẳng nể! Lô Hli chắc sẽ lại về với nó, còn ta...

– Còn anh thế nào?

– Ở tù!

– Ở tù à? Tô Đay có tội gì?

– Tội dỗ vợ người.

– Nhưng tôi không phải là vợ Tsi Nèng.

– Sao lại không? Nó làm ma cho ông Chánh... nó đã cưới Lô Hli...

– Ai khiến nó làm ma cho phá tôi? Hừ! Làm ma!... Chẳng phải nó tử tế gì đâu! Nó chỉ cốt đem tiền mua tôi như mua một con lợn...

– Lô Hli nói phải, nhưng quan người ta chẳng nghe thế đâu?

– Chẳng nghe à? Nếu quan là tôi xem!

Tô Đay bật cười.

– Này, Tô Đay yêu em thật chứ?

– Ô, Lô Hli chưa tin?

– Không, là tôi hỏi thế... Nếu Tô Đay phải lìa tôi?

– Thì Tô Đay chết mất!

Lô Hli bỗng quả quyết một cách thâm đậm :

– Vậy hai ta cùng chết với nhau chẳng hơn ư?

– Lô Hli!

– Tô Đay sợ chết à?

– Không, ta không sợ chết, nhưng ta không nỡ...

– Nếu thế thì hai ta phải xa nhau... xa nhau... sầu khổ cũng đến chết mà thôi!... Chi bằng chết cùng nhau ngay lúc này!

Thầy lục sự, Tsi Nèng và bọn lính cơ lúc ấy đã kéo đến vây quanh lấy cái chòi. Thầy lục sự quát :

– Hai đứa kia, muốn tốt xuống ngay đây!

Lô Hli đỏ mặt, trợn tròn hai mắt nói rằng :

– Các người định bắt ta?... Bắt sao được? Mà ta có tội gì? Ta yêu Tô Đay vì Tô Đay đã cứu ta khỏi chết. Tsi Nèng là đứa nào dám đem đồng tiền đến chia rẽ nhân duyên của ta? Hắn bỏ tiền ra làm ma cho phá ta thật, nhưng thử hỏi hắn vì lòng tử tế hay vì muốn chiếm lấy ta về làm tôi tớ? Tuy vậy, ta cũng đã ở với hắn nửa tháng trời rồi. Đồng tiền bỏ ra như thế đã có lợi, hắn còn muốn gì nữa? Tsi Nèng cậy ở thân thế đồng tiền, nhưng lần này thì tiền quyết phải thua...

Tsi Nèng và mấy tên lính định xông lên chòi, Tô Đay giơ súng nói :

– Đứng yên!... Đứa nào lại gần sẽ toi mạng ngay!... Cứ yên mà xem đây này!

Dứt lời... "Đoàng!"... Lô Hli ngã vệt xuống.

Dưới chòi, một tiếng kêu kinh hoàng.

..."Đoàng!"... Tiếng súng thứ nhì tiếp liền ngay...

Trên vũng máu đào, đôi tình nhân cố trao đổi một nụ cười trước khi nhắm mắt...

Gò Thần

Thuộc về tổng Thượng Ấm, châu Sơn Dương có một cái gò đất, tục gọi là gò Thần.

Cổ lai, dân tổng không người nào dám bén mảng đến đấy chém tre, ngả gỗ hay đốt phá gì cả.

Thế mà, một ngày kia, mãn lính về làng, bếp Nai, vì tham chỗ đất tốt, dám quả quyết phát gò Thần để tra lúa. Bà con can ngăn hết lẽ, bếp Nai cứ khẳng khẳng

ý mình, lại cam đoan rằng nếu xảy ra tai nạn gì, bác ta xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Trước thái độ ngang bướng ấy, mọi người đành chịu bó tay, chờ sự phi thường mà họ chắc trước thế nào rồi cũng không tránh được.

Nhất là các cô gái chưa chồng, mỗi lần thấy anh chàng bảnh trai nọ vác dao, rìu đi qua, lại càng chỉ trỏ bàn tán dữ lắm. Cô nào không tơ vương hoặc đã bị bếp Nai hờ hững thì đều bĩu môi bĩu miệng, cho anh ta là một kẻ ngỗ ngược xằng, có ngày lo không trắng mắt sớm! Còn những cô đã cùng bếp Nai hát một đôi lần, đều không bình luận gì, nhưng trong lòng đều lấy làm băn khoăn lo ngại và thường kiếm những lời tha thiết can ngăn anh ta.

Dù chê trách, dù khuyên lơn, anh chàng chỉ cười nụ, ưỡn cái ngực nhà binh một cách bệ vệ, ra dáng ta đây chẳng cần gì!...

Rồi nương cứ phát, hạt giống cứ tra. Đất tốt, lại thêm có màu tro, nên ngoảnh đi ngoảnh lại, lúa đã xanh rờn, rồi đâm bông, rồi kết quả...

Một buổi chiều, bếp Nai nhân rỗi việc, vác dao ra thăm nương, thì thấy lúa bị nát nhiều chỗ mà, trên mặt đất mềm, dấu chân hầy còn tươi :

– Vầy, có lợn về quấy nè! Tối hôm nay phải thức keng mới được!

Lập tức chàng ta lặn vào gò, chém mấy tàu lá cọ và mấy cành tre gai, dựng sơ cái túp nhỏ trên bờ nương để sẵn.

Đêm đến, chờ khuya khuya, bếp Nai lẳng lẳng thắt dao, vác súng ra đi. Một mình ngồi trong chòi canh, bác bếp chú hết tinh thần vào sự trông nghe...

Trời tối như mực...

Trước mặt bếp Nai, rừng ruộng, núi đồi, chỉ là một cái hốc sâu đen tối. Trong khoảng mịt mù, anh lẳng nghe tiếng gió thét đầu cành, sương gieo ngọn cỏ, dòng ngòi róc rách chảy như tiếng nói thầm đầu đó...

Thời khắc qua.

Bếp Nai, ngồi rình đã lâu lắm, dần dần thấy mỗi mết, rồi thiu thiu ngủ...

Gió vẫn thổi, sương vẫn rơi, dòng ngòi cô tịch vẫn chảy âm thầm trong đêm tối.

Đột nhiên, bếp Nai ngồi nhòm dậy và lẳng tai nghe.

Thì ra, ngoài những tiếng động rất quen của đêm rừng, bếp Nai vừa thấy một tiếng gì khác thường. Tiếng ấy, trước còn rụt rè, sau mạnh bạo và rõ rệt hẳn... tiếng lúa bị quần rạo rạt... tiếng răng nhai khăm khập, tiếng thở phì phào... Đích rồi! Có thể chứ! Quen mùi cũ, con lợn lại lần về phá hại...

Bếp Nai mở cò nạp đạn, rón rén bò ra khỏi chòi. Anh nín thở, lẳng nghe, vượt lên mấy bước, dừng lại, chống tay ghé cổ nhìn. Lòng bếp Nai mừng khắp khỏi...

Con lợn vẫn mãi ăn. Rồi, hai đằng chỉ còn cách nhau độ hai mươi bước. Tiếng răng nhai lúa động vụt cái im bật. Bếp Nai nằm rạp xuống. Con lợn đánh hơi rầm rĩ. Lâu lâu, chừng không ngờ vực gì

nữa, nó lại bắt đầu nhai chộp choạp. Bếp Nai se sẽ vực dậy, quỳ gối, tì súng lên vai ngấm... «Đoàng»... tiếng nổ xé tan cái lặng lẽ... tiếng lợn hộc... tiếng cỏ tranh động roàn roạt... Đồng thời, khẩu súng băng đi đâu mất. Bếp Nai choáng người. Xưa nay có thể bao giờ!

Trời sáng.

Trên đỉnh núi phương Đông, mây trắng lấp lánh như màu bạc mới. Rừng cây mờ mờ trong sương trắng. Không khí mát lạnh, rung lên vì những tiếng chim đua hót...

Bếp Nai cúi nhìn. Trong đám lúa bị giày xéo, vết máu còn tươi. Những dấu chân in mặt đất rõ mồn một. Vậy mà lạ thay! Ngoài mảnh nương, không thấy gì nữa, cả khẩu súng cũng chẳng biết bắn đi đâu rồi!

Bếp Nai vừa bực mình vừa hổ thẹn, một mạch về nhà. Nấu cơm ăn xong, anh định trở ra nương lần nữa, thì đầu óc anh bỗng choáng váng, tinh thần anh bàng hoàng, anh phải vào giường nằm...

Ngoài cửa, chợt có hai người đàn bà gọi to lên rằng :

– Bếp Nai! Bếp Nai sao dám bắn chết lợn của ta?

– Có lợn không giữ để phá lúa của tôi, chẳng bắn chết thì sao!

Hai người giận lắm, vớ gậy đập đánh bếp Nai túi bụi. Anh hoảng kinh, nhảy mạnh và trong nhà...

Thì ra một giấc chiêm bao. Bếp Nai ngấm nghĩ:

"Cứ như lời thần mộng, con lợn rừng hẳn đã chết rồi".

Anh vội ra ngòi, vớt nước rửa mặt, đoạn rủ thêm hai người bạn thân nữa cùng nhau lên nương tìm.

Theo dấu chân, vết máu, ba người biết rằng sau khi bị đạn, con lợn rừng nhảy phóng vào bụi tranh nhưng có sao tìm tòi mãi, chỉ thấy có một tảng đá mốc? Ba người nhìn nhau lấy làm lạ. Bếp Nai chém một đoạn nứa tếp làm điếu, rủ bạn hãy cùng ngồi lên tảng đá hút thuốc đã. Một người bỗng nói to lên rằng :

– Quái lạ! Hòn đá này sao lăm ve thế?

– Ủ nhỉ! Mà con nào cũng béo núc ních, to bằng hạt ngô một.

– Lần thứ nhất thấy thế này vậy. Ve có ở đá bao giờ. Nó chỉ bám vào nai lợn để hút máu. Lỡ con nào bị chết, máu

đọng và nguội nó mới chịu nhả mà thôi. Điều ấy các bác hẳn rõ chứ?

– Ai còn lạ gì. Nhưng thôi, tìm lợn không thấy, ta hãy xét khẩu súng đã.

Bếp Nai chịu là phải. Ba người lại tìm đến quá trưa, mới thấy khẩu súng ở bờ ngòi, cách nương lúa có đến bốn cột dây thép.

Mất cái hy vọng chén sơn hào, ba người tiu nghỉu kéo nhau về.

Năm hôm sau. Lúa đã chín đỏ. Bếp Nai đem lạt giang, đòn xóc liềm ra cắt gánh về.

Hôm ấy, tuy đã cuối thu mà nắng vẫn gắt như mùa hè. Vầng thái dương chói lọi trên vòm trời trong biếc. Dải Lịch Sơn lơ mờ sau đám hơi nóng bốc ngùn ngụt. Ánh nắng nhảy nhót trong đám

lá cây rung trước gió. Vẻ thu chỉ biểu lộ trên mấy đám cỏ gà cần cỗi, trên cái màu vàng nhuộm ố sắc cây xanh, trong luồng gió hanh hao thổi hút nhựa, đốt cháy cả thảo mộc. Những con ruồi, con dãn bay lao xao, bay cố lấy một ngày cùng tận nữa, để rồi rũ xuống, lẫn với cát bụi...

Trong không khí lặng lẽ, phảng phất cái buồn của sự tàn tạ.

Bếp Nai vẫn làm mãi miết, nhưng chốc chốc lại ra bờ nương ngồi nghỉ, hút một hơi thuốc, uống một hụm nước, hoặc kéo mảnh vải gai lau mặt, vẫn vơ nhìn lá rụng mây bay. Tự nhiên, chàng ta phồng lỗ mũi hít mạnh không khí chung quanh :

– Quái! Gì như mùi chuột chết ấy nhỉ?

Thật thế, một mùi hôi thối nồng nàn theo chiều gió bay lại. Bếp Nai chợt nghĩ đến con lợn rừng.

Anh đứng phắt dậy, lại theo lối tìm hôm nọ, lần vào bụi tranh. Đến trước hòn đá mốc, bếp Nai đứng lặng đi, mắt giương to, mồm há hốc tỏ ra vẻ kinh ngạc vô cùng. Anh khẽ liếc mắt nhìn quanh, đằng hắng lên mấy tiếng, thử xem mình tỉnh thực hay mê.

– Trời ơi, có lẽ nào thế?

– Cái gì đấy, bác bếp?

Bếp Nai giật mình quay lại, thì hai người bạn thân của anh cũng vừa ở ngoài nương bước vào.

– Này, các anh! Có phải hôm vừa rồi, ba chúng ta ngồi hút thuốc trên một hòn đá không nhỉ?

– Sao anh hỏi dớ dẩn thế?

– Nhưng có phải thế không đã?

– Phải! Lúc ra về, chính anh còn gác cái điều cày vào cạnh hòn đá ấy mà lại.

– Giờ các anh thử nhìn lại hòn đá ấy xem nào!

Hai người tiến đến cạnh chỗ bếp Nai đứng, vừa ghé cổ nhìn theo tay anh chỉ, bỗng kêu thất thanh :

– Ô lạ! Lạ quá nhỉ!

Lạ thật! Tảng đá mốc meo ba người vừa ngồi hút thuốc hôm nọ, giờ đã biến thành một đồng dòi lúc nhúc trên bãi thịt nát thối tha...

